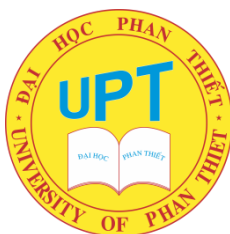


**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



TRƯƠNG VŨ THẮNG

**PHÁP LUẬT VỀ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT
TẠI VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

**ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP
THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ**

Bình Thuận – 2025

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



TRƯƠNG VŨ THẮNG

**PHÁP LUẬT VỀ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT
TẠI VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ

MÃ SỐ: 8380107

**ĐỀ CƯƠNG ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
LUẬT KINH TẾ**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. TRƯƠNG THỊ TUYẾT MINH**

Bình Thuận – 2025

NHẬN XÉT CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. Họ và tên học viên: Trương Vũ Thắng MSHV: 2318380107011

2. Chuyên ngành: Luật Kinh tế Lớp: MEL2

3. Tên đề tài nghiên cứu: “Pháp luật về Thuế tiêu thụ đặc biệt tại Việt Nam và một số kiến nghị”

4. Họ và tên người hướng dẫn khoa học: TS. Trương Thị Tuyết Minh

5. Nhận xét:

(Nội dung nhận xét, người hướng dẫn cần tập trung vào các yêu cầu về: Kết cấu đề án tốt nghiệp (luận văn), phương pháp nghiên cứu, những nội dung (đóng góp) của đề tài nghiên cứu, thái độ làm việc của học viên, ...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Người hướng dẫn khoa học
(ký và ghi họ tên)

Trương Thị Tuyết Minh

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện đề án " Pháp luật về Thuế tiêu thụ đặc biệt tại Việt Nam và một số kiến nghị ", tác giả đã nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ và động viên vô cùng quý báu từ nhiều phía.

Trước tiên, tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất đến giáo viên hướng dẫn TS. Trương Thị Tuyết Minh. Cô không chỉ là người hướng dẫn tận tâm, nhiệt tình mà còn là người truyền lửa đam mê nghiên cứu, luôn khích lệ, động viên tác giả vượt qua những khó khăn trong quá trình thực hiện đề án. Những chỉ dẫn, góp ý quý báu của cô đã giúp tác giả định hướng đúng đắn, đi đúng trọng tâm và hoàn thành đề án một cách tốt nhất.

Tác giả xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến khoa Luật Kinh tế và Trường Đại học Phan Thiết đã tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt, từ cơ sở vật chất, thư viện đến môi trường học thuật để tác giả có thể học tập và nghiên cứu.

Xin chân thành cảm ơn Cục Thuế tại Bình Thuận và các anh/chị cán bộ thuế đã nhiệt tình chia sẻ thông tin, kinh nghiệm thực tế về công tác thuế tại tỉnh Bình Thuận, góp phần làm phong phú và sâu sắc hơn nội dung nghiên cứu của đề án.

Dù đã cố gắng hết mình, đề án chắc chắn vẫn còn nhiều hạn chế và thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của quý thầy cô và bạn đọc để đề án được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Học viên

(ký tên, ghi đầy đủ họ tên)

Trương Vũ Thắng

LỜI CAM ĐOAN

Tôi tên: Trương Vũ Thắng

MSHV: 2318380107011

Tôi xin cam đoan các số liệu, thông tin sử dụng trong bài báo cáo được thu thập từ thực tế tại các nguồn chính thống theo đơn vị làm việc, cũng như dữ liệu thu thập và được hỗ trợ từ Cục Thuế tỉnh Bình Thuận. Ngoài ra, bài báo cáo có sử dụng một số nguồn tài liệu tham khảo được tác giả trích dẫn đầy đủ và theo đúng quy định.

Nội dung trong đề án này được xây dựng trên cơ sở hướng dẫn khoa học của giảng viên Tiến sĩ Trương Thị Tuyết Minh, các dữ liệu thu thập được tại các cơ quan chuyên môn liên quan, các kiến thức, kinh nghiệm của bản thân được rút ra từ quá trình nghiên cứu, tìm hiểu trong quá trình công tác. Nội dung đề án này không sao chép từ các nguồn tài liệu, báo cáo khác.

Nếu sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của nhà trường và pháp luật.

Học viên

(ký tên, ghi đầy đủ họ tên)

Trương Vũ Thắng

TÓM TẮT ĐỀ ÁN

Nghiên cứu này tập trung vào việc đánh giá và phân tích hệ thống pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) tại Việt Nam, kết hợp với khảo sát thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Thuận. Mục tiêu chính là làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về thuế TTĐB, từ đó, đánh giá thực trạng pháp luật về thuế TTĐB và hiệu quả áp dụng tại Việt Nam, đồng thời, đề xuất các giải pháp hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thuế TTĐB.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích văn bản pháp luật, phương pháp so sánh, đối chiếu, phương pháp thống kê, và phương pháp điều tra,... để phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật về thuế TTĐB, đánh giá thực trạng áp dụng và đề xuất các giải pháp.

Kết quả nghiên cứu cho thấy pháp luật về thuế TTĐB ở Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại một số hạn chế, bất cập. Nghiên cứu đã chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập này, bao gồm cả những yếu tố chủ quan và khách quan.

Từ những phân tích và đánh giá, luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về thuế TTĐB ở Việt Nam, góp phần bảo đảm nguồn thu ngân sách nhà nước, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, môi trường, và điều tiết tiêu dùng xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

MỤC LỤC

NHẬN XÉT CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC	1
LỜI CẢM ƠN	2
LỜI CAM ĐOAN	3
TÓM TẮT ĐỀ ÁN	4
DANH MỤC BẢNG BIỂU VÀ SƠ ĐỒ.....	7
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	8
MỞ ĐẦU.....	9
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	9
2. Tình hình nghiên cứu đề tài	11
3. Mục đích nghiên cứu	14
3.1. Mục đích của đề tài:	14
3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu	15
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	15
4.1. Đối tượng nghiên cứu	15
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	15
5. Phương pháp nghiên cứu	16
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài	16
7. Cơ cấu của luận văn	17
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT VÀ PHÁP LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT.....	18
1.1. Lý luận cơ sở về Thuế tiêu thụ đặc biệt.....	18
1.1.1. Khái niệm về thuế tiêu thụ đặc biệt.....	18
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc của pháp luật Thuế tiêu thụ đặc biệt ..	22
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	30
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT TẠI VIỆT NAM	31
2.1. Thực trạng Pháp luật Thuế tiêu thụ đặc biệt tại Việt Nam	31
2.1.1. Đối tượng chịu thuế.....	31
2.1.2. Đối tượng không chịu thuế.....	35
2.1.3. Căn cứ tính thuế, giá tính thuế	36

2.1.4. Hoàn thuế, khấu trừ thuế, giảm thuế	37
2.2. Các vấn đề bất cập trong pháp luật về Thuế tiêu thụ đặc biệt tại Việt Nam hiện nay	38
2.2.1. Đối tượng chịu thuế.....	42
2.2.2. Đối tượng không chịu thuế.....	43
2.2.3. Căn cứ tính thuế, giá tính thuế	44
2.2.4. Hoàn thuế, khấu trừ thuế, giảm thuế	47
2.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt ở Việt Nam hiện nay	47
2.3.1. Yếu tố ảnh hưởng việc thi hành luật thuế tiêu thụ đặc biệt	47
2.3.2. Kết quả đạt được từ khi ban hành luật tiêu thụ đặc biệt	48
2.3.3. Vụ việc liên quan thuế tiêu thụ đặc biệt tại Việt Nam	49
2.3.4. Thực tiễn thi hành luật thuế tiêu thụ đặc biệt tại tỉnh Bình Thuận	50
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	53
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY	54
3.1. Những định hướng cơ bản trong việc hoàn thiện pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt ở Việt Nam.....	54
3.1.1. Từ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.....	54
3.1.2. Từ tình hình thực tiễn tại một số quốc gia	55
3.2. Một số kiến nghị và giải pháp hoàn thiện pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt	57
3.2.1. Đối tượng chịu thuế.....	57
3.2.2. Đối tượng không chịu thuế.....	58
3.2.3. Căn cứ tính thuế, giá tính thuế	59
3.2.4. Hoàn thuế, khấu trừ thuế, giảm thuế	60
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	61
KẾT LUẬN	62
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	63

DANH MỤC BẢNG BIỂU VÀ SƠ ĐỒ

Bảng 1. So sánh các quy định còn bất cập chồng chéo giữa các Luật về Thuế	trang 37
Bảng 2: Bảng tổng hợp so sánh các quy định cụ thể trong 09 nhóm luật chuyên ngành đang chồng chéo, giao thoa hoặc mâu thuẫn với Luật Thuế (TTĐB)	trang 38
Bảng 3: Nội dung chồng chéo giữa Luật Thuế TTĐB và Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	trang 42
Bảng 4. Bảng tính thuế TTĐB đối với hàng hóa nhập khẩu	trang 44
Bảng 5. Tổng doanh thu của tỉnh Bình Thuận	trang 49

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ĐTNT	Đối tượng nộp thuế
GTGT	Giá trị gia tăng
NSNN	Ngân sách Nhà nước
QLT	Quản lý thuế
TTDB	Tiêu thụ đặc biệt
UBND	Ủy ban nhân dân
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế, từ lâu được xem là công cụ quản lý, điều tiết vĩ mô đối với nền kinh tế một cách khách quan và cần thiết của mọi Nhà nước.

Ngày 11/1/2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Sự kiện lớn này đã để lại nhiều dấu ấn tích cực trên hành trình đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Tại kỳ họp thứ 4 của Quốc hội khóa XII, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) được Quốc hội Khóa XII thông qua ngày 14/11/2008 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2009. Lần sửa đổi này có lý do xuất phát từ các cam kết khi Việt Nam gia nhập WTO.

Việt Nam đã và đang hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Cùng với quá trình hội nhập ngày càng sâu, Việt Nam tiếp tục sẽ phải cắt giảm thuế nhập khẩu cho hàng hóa từ các nước đối tác. Điều này có tác động giảm thu đối với hàng hóa nhập khẩu. Do đó, cần khai thác tăng thu hợp lý từ các nguồn khác để bù lại số giảm thu của hàng hóa nhập khẩu. Một trong những dự địa cần nghiên cứu đầy đủ cả về lý luận và thực tiễn làm cơ sở đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật tạo cơ sở pháp lý đảm bảo nguồn thu ngân sách mở rộng cơ sở thuế của các sắc thuế, trong đó có cơ sở thuế tiêu thụ đặc biệt.

Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt được Quốc hội Khóa XII thông qua ngày 14/11/2008 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2009. Trong quá trình thực hiện, để khắc phục những bất cập phát sinh trong thực tiễn và để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội (KT-XH) trong từng thời kỳ, Luật Thuế TTĐB đã được sửa đổi, bổ sung hai lần vào các năm 2014, 2016, 2022. Qua quá trình triển khai thực hiện, Luật Thuế TTĐB đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt KT-XH và đã đạt được mục tiêu đề ra khi ban hành Luật.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, chính sách thuế TTĐB đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế nhất định cần tiếp tục được hoàn thiện như đối tượng chịu thuế TTĐB

còn hẹp so với thông lệ quốc tế; một số quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, mô tả mặt hàng tại biểu thuế chưa thực sự rõ ràng dẫn đến vướng mắc trong thực tế thực hiện; thuế suất thuế TTĐB đối với các mặt hàng thuốc lá, rượu bia, ô tô, còn thấp chưa đủ tác dụng để hạn chế tiêu dùng hoặc điều tiết thu nhập của người sử dụng có thu nhập cao trong xã hội; chưa thực hiện được một số mục tiêu đề ra của chính sách thuế TTĐB nêu tại Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020 là bổ sung đối tượng chịu thuế, nghiên cứu áp dụng phương pháp thuế hỗn hợp đối với mặt hàng có hại cho sức khỏe và môi trường; chưa có quy định hoàn trả thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết đối với một số mặt hàng cần khuyến khích sản xuất, tiêu dùng sản phẩm thân thiện môi trường.

Do đó, Luật Thuế TTĐB cần được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung nhằm tiếp tục thể chế hóa quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các Luật, cũng như đáp ứng yêu cầu của cải cách hành chính, cải cách thủ tục quản lý thuế hướng tới chính sách thuế thống nhất, công khai, minh bạch, và phù hợp với xu hướng cải cách thuế TTĐB của các nước.

Ngày 08/06/2024, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 129/2024/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024. Theo đó, Luật thuế TTĐB (sửa đổi) đã được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024) và thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025). Tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, các đại biểu Quốc hội cũng đã cho ý kiến lần thứ nhất đối với dự thảo dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) nhằm khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật; hoàn thiện quy định về chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt để mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế trong phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ vào ngân sách nhà nước, ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước; cải cách thủ tục quản lý thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng, công khai; bảo vệ sức khỏe cộng đồng, môi trường và điều tiết tiêu dùng của xã

hội phù hợp xu hướng cải cách thuế của các nước cũng như thực hiện cam kết quốc tế...

Trong thời gian vừa qua, mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về việc mở rộng cơ sở thuế TTĐB, tuy nhiên các kết luận đưa ra vẫn còn nhiều tranh cãi, thiếu sự đồng thuận rõ ràng. Điều này càng nhấn mạnh sự cần thiết phải tiến hành một nghiên cứu toàn diện, sâu sắc hơn nữa cả về cơ sở lý luận và thực tiễn trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Nhận thấy tầm quan trọng và tính cấp thiết trên, đề tài "Pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt ở Việt Nam – một số kiến nghị" sẽ tập trung phân tích, đánh giá sâu các vấn đề quan trọng bao gồm: Đối tượng chịu thuế; Đối tượng không chịu thuế; Căn cứ tính thuế và giá tính thuế; Hoàn thuế, khấu trừ thuế, giảm thuế. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách và pháp luật thuế TTĐB ở Việt Nam, góp phần bảo đảm nguồn thu ngân sách nhà nước, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, môi trường, và điều tiết tiêu dùng xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về thuế tiêu thụ đặc biệt thông qua khảo sát thực tiễn áp dụng tại Việt Nam nói chung và tỉnh Bình Thuận nói riêng.

* Cơ sở thực tiễn đối với phạm vi nghiên cứu đề tài:

- Cao Thị Thùy Như, 2012, *Pháp luật về đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh: Đề tài này tập chung tìm hiểu, phân tích những quy định của pháp luật liên quan đến đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, đặc điểm của đối tượng này, lý do mà nó được quy định vào nhóm đối tượng chịu thuế, những thay đổi qua chính sách thuế từng thời kỳ; thực trạng áp dụng quy định của nhóm đối tượng này trên thực tế, xem xét những quy định đó đã phù hợp hay chưa hay còn những vướng mắc bất cập gì và làm thế nào để hoàn thiện

những quy định đó.

- Ths. Đào Thế Sơn – Nguyễn Ngọc Anh – Nguyễn Thế Hoàng, 2018, *Thuế tiêu thụ đặc biệt và thuốc lá lậu*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp⁽¹⁾: Nghiên cứu trên đã cho kết quả ước lượng và đo lường một cách khách quan về mức độ tiêu thụ thuốc lá lậu đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các chính sách phòng chống thuốc lá phù hợp và toàn diện, đặc biệt là ở Việt Nam, nơi buôn lậu được coi là một vấn đề quốc gia đáng báo động. Nghiên cứu cũng cho thấy, việc tăng thuế thuốc lá không nhất thiết dẫn đến tiêu thụ thuốc lá lậu cao hơn ở Việt Nam.

- TS. Trần Vũ Hải, 2019, *Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống - Thực tế áp dụng và kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp⁽²⁾: Bài viết cho thấy pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt nói chung và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống nói riêng hiện nay đang bộc lộ nhiều bất cập, cần được hoàn thiện từ cơ sở thuế cho đến phương thức đánh thuế. Cơ sở thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống hiện nay còn quá hẹp, trong khi cần phải mở rộng việc đánh thuế đối với nước ngọt và đánh thuế tại khâu lưu thông, bổ sung phương thức đánh thuế theo thuế suất cố định, đánh thuế thông qua tem thuế và miễn thuế đối với trường hợp có doanh thu thấp.

- TS. Hoàng Thị Mỹ Hạnh, Ths. Bs. Nguyễn Thị An, 2023, *Chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có đường ở một số quốc gia trên thế giới*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp⁽³⁾: Để giảm tình trạng tiêu thụ đường không hợp lý và các tác hại của đồ uống có đường đến sức khỏe, Tổ chức Y tế thế giới khuyến nghị các quốc gia triển khai kết hợp ba giải pháp là áp thuế với đồ uống có đường, giáo dục truyền thông và hạn chế quảng cáo đồ uống có đường đối với trẻ em. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả đã trình bày, phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia về nhóm sản phẩm đồ uống có đường chịu thuế, phương pháp đánh thuế và thuế suất thuế tiêu thụ

¹ [trực tuyến] tại: <https://lapphap.vnclp.gov.vn/Pages/TinTuc/208374/Thue-Tieu-thu-dac-biet-va-thuoc-la-lau.html> [truy cập ngày 01/12/2018];

² [trực tuyến] tại: <https://lapphap.vnclp.gov.vn/Pages/TinTuc/210272/Thue-tieu-thu-dac-biet-doi-voi-do-uong---thuc-te-ap-dung-va-kien-nghi-hoan-thien.html> [truy cập ngày 16/9/2019];

³ [trực tuyến] tại: <https://lapphap.vnclp.gov.vn/Pages/TinTuc/211684/Chinh-sach-thue-tieu-thu-dac-biet-doi-voi-do-uong-co-duong-o-mot-so-quoc-gia-tren-the-gioi.html> [truy cập ngày 23/6/2023];

đặc biệt.

- Nguyễn Thị Quỳnh Giao, 2021, *Kinh nghiệm quản lý thuế tiêu thụ đặc biệt của một số nước*, Tạp chí tài chính⁽⁴⁾: Thuế tiêu thụ đặc biệt là một trong các sắc thuế đóng góp lớn vào nguồn thu ngân sách nhà nước và góp phần quản lý tiêu dùng. Làm thế nào để quản lý hiệu quả nguồn thu ngân sách từ thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng vẫn đảm bảo không ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế và người nộp thuế là vấn đề đặt ra cần giải quyết. Bài viết này đã nêu lên một số vấn đề cần hoàn thiện về chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt và kinh nghiệm quản lý thuế tiêu thụ đặc biệt của các nước hiện nay.

- TS. Nguyễn Thị Thu Hiền, 2018, *Tác động của tăng thuế thuốc lá đến tổng sản lượng và việc làm của nền kinh tế*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp⁽⁵⁾: Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích I-O để ước tính tác động của tăng thuế thuốc lá đối với sản lượng và việc làm tại Việt Nam theo các phương án đề xuất tăng thuế của Bộ Tài chính và Bộ Y tế, kết quả cho thấy, khi tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá sẽ có tác động làm gia tăng tổng sản lượng và việc làm của nền kinh tế. Với phương án tăng thuế thêm 5.000 đ/bao thuốc lá, sản lượng và việc làm sẽ tăng tương ứng là 0,003% (486.894 triệu đồng) và 0,06% (33.831 việc làm). Kết quả này cũng khá tương đồng với hầu hết các nghiên cứu quốc tế đã công bố cho thấy, khi người tiêu dùng giảm chi tiêu của họ cho các sản phẩm thuốc lá thì khoản chi tiêu này sẽ được chuyển sang mua những hàng hóa và dịch vụ thay thế làm tăng lợi ích tiêu dùng, cải thiện sức khỏe cộng đồng và nâng cao năng suất lao động. Vì thế, tăng thuế có thể làm thu hẹp sản lượng và việc làm trong ngành thuốc lá nhưng lại làm mở rộng sản lượng và việc làm trong những ngành khác.

- Kỷ yếu Hội thảo *Cung cấp bằng chứng về tác hại của thuốc lá, đồ uống có đường và các giải pháp giảm tác hại, đặc biệt là chính sách thuế*, 2024, Viện Chiến

⁴ [trực tuyến] tại: <https://tapchitaichinh.vn/kinh-nghiem-quan-ly-thue-tieu-thu-dac-biet-cua-mot-so-nuoc.html>, [truy cập ngày 07/06/2021];

⁵ [trực tuyến] tại: <https://lapphap.vnclp.gov.vn/Pages/TinTuc/206855/Tac-dong-cua-tang-thue-thuoc-la-den-tong-san-luong-va-viec-lam-cua-nen-kinh-te.html> [truy cập ngày 05/12/2018];

lược và Chính sách y tế, Bộ Y tế tổ chức: Hội thảo nhằm kịp thời cung cấp bằng chứng về tác hại của thuốc lá, đồ uống có đường và các giải pháp giảm thiểu tác hại, tăng cường sự đồng thuận đối với việc áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt với hai mặt hàng này tại Việt Nam.

- Kỷ yếu *Hội thảo Góp ý hoàn thiện Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)*, 2024, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức: nhiều chuyên gia, doanh nghiệp đã đóng góp các ý kiến làm rõ tầm quan trọng, tác động của luật thuế TTĐB sửa đổi, trong đó nhấn mạnh việc bổ sung diện chịu thuế hoặc tăng thuế nhằm thay đổi hành vi tiêu dùng của xã hội.

Các công trình trên đây đã nghiên cứu, phân tích những quy định của pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt từ khi Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt được sửa đổi và ban hành năm 2008.

Tuy nhiên, trong số các công trình nêu trên, các nội dung nghiên cứu còn tập trung vào một số đối tượng, nhóm đối tượng chịu thuế, hay các phương thức tính thuế mà chưa có sự một nghiên cứu tổng quát, nhất là quá trình hoàn thiện pháp luật về thuế TTĐB từ 2008 đến nay. Vì vậy, tác giả lựa chọn đề tài này với mục đích khảo sát, làm rõ những vấn đề áp dụng pháp luật về Thuế tiêu thụ đặc biệt tại Việt Nam nói chung, và tại địa phương nói riêng cụ thể là tỉnh Bình Thuận, qua đó góp phần hoàn thiện pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt tại Việt Nam.

3. Mục đích nghiên cứu

3.1. Mục đích của đề tài:

Nghiên cứu luận cứ khoa học cho việc mở rộng cơ sở thuế TTĐB, từ đó đề xuất các phương án mở rộng cơ sở thuế TTĐB và đánh giá tác động của các phương án mở rộng cơ sở thuế TTĐB.

Việc nghiên cứu thực tiễn pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng tại Việt Nam góp phần khái quát được thực trạng của pháp luật Thuế tiêu thụ đặc biệt ở Việt

Nam hiện nay. Từ đó làm cơ sở để phân tích, đánh giá những điểm bất cập, vướng mắc, góp phần nghiên cứu cứu luận cứ khoa học cho việc đề xuất những kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật của Việt Nam về thuế tiêu thụ đặc biệt.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích trên, tác giả đề tài phải thực hiện một số nhiệm vụ cơ bản sau:

- Nghiên cứu một số vấn đề lý luận về thuế, pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt tại Việt Nam làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt ở Việt Nam;
- Nghiên cứu thực tiễn triển khai pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt tại Việt Nam nói chung và tại tỉnh Bình Thuận nói riêng, qua đó nêu ra những bất cập của pháp luật Việt Nam về vấn đề này và đề xuất các định hướng nhằm hoàn thiện pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt ở Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan;
- Một số bản án liên quan thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Hiện trạng áp dụng pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt tại Việt Nam hiện nay nói chung và thực tiễn tại tỉnh Bình Thuận nói riêng.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các vấn đề: đối tượng chịu thuế; đối tượng không chịu thuế; căn cứ tính thuế; giá tính thuế; hoàn thuế, khấu trừ thuế; giảm thuế qua thực tiễn áp dụng tại Việt Nam.

Đề tài nghiên cứu trong phạm vi từ khi Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt 2008 được

ban hành và thực tiễn áp dụng pháp luật tại Việt Nam hiện nay nói chung và thực tiễn tại tỉnh Bình Thuận nói riêng.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như: phương pháp nghiên cứu luật học; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp phân tích, thống kê; phương pháp so sánh; phương pháp quy nạp.

Phương pháp phân tích được sử dụng nhiều trong chương 2 để làm rõ những khái niệm, phạm trù mà Đề tài sử dụng từ đó rút ra kết luận khoa học làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng thi hành pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt và xác định phương hướng, giải pháp cho việc tiếp tục hoàn thiện những quy định này ở Việt Nam.

Phương pháp thống kê, nghiên cứu thực tiễn thi hành luật thuế tiêu thụ đặc biệt gắn với các số liệu được thống kê, thu thập về thuế tiêu thụ đặc biệt được đóng vào vào ngân sách nhà nước từ địa phương Bình Thuận nói riêng và cả nước nói chung. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu trong chương 2 của Đề tài.

Phương pháp so sánh, nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt tại một số quốc gia khác, qua đó học hỏi kinh nghiệm và rút ra những bài học để tiếp tục hoàn thiện pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của quốc gia mình.

Phương pháp quy nạp được sử dụng nhằm đưa ra những đánh giá, nhận định sơ lược tại các nội dung được nghiên cứu. Phương pháp cũng được sử dụng nhiều ở chương 3 của Đề tài nhằm rút ra kết luận và đề xuất các nhóm giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế TTĐB ở Việt Nam hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Đề tài là công trình nghiên cứu khoa học cụ thể về những nội dung lý luận về thuế tiêu thụ đặc biệt, quy định mở rộng của pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt và thực tiễn thực hiện tại địa phương cụ thể.

Bên cạnh những vấn đề lý luận về thuế, đề tài còn đánh giá những kết quả đạt

được của các quy định pháp luật về quản lý thuế qua hoạt động thực tiễn: hiệu quả trong chính sách pháp luật, những điểm bất cập, khó khăn trong quá trình thực hiện quy định cụ thể của pháp luật về thuế. Từ đó, gợi mở những nội dung cần nghiên cứu, hoàn thiện.

Đồng thời, trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc, đề tài nghiên cứu cũng đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế tiêu thụ đặc biệt qua thực tiễn tại Việt Nam nói chung và địa phương tỉnh Bình Thuận nói riêng, trong đó có sự đánh giá về tác động của những giải pháp đối với thực tiễn nền kinh tế - xã hội Việt Nam.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, đề tài được thiết kế thành 3 chương:

Chương 1: những vấn đề lý luận về Thuế tiêu thụ đặc biệt và pháp luật Thuế tiêu thụ đặc biệt

Chương 2: thực tiễn thực hiện pháp luật về Thuế tiêu thụ đặc biệt tại Việt Nam

Chương 3: một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về Thuế tiêu thụ đặc biệt tại Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT VÀ PHÁP LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

1.1. Lý luận cơ sở về Thuế tiêu thụ đặc biệt

1.1.1. Khái niệm về thuế tiêu thụ đặc biệt

1.1.1.1. Khái niệm thuế tiêu thụ đặc biệt

Thuế tiêu thụ đặc biệt (Excise Tax/Special Consumption Tax) là một loại thuế gián thu, đánh vào việc tiêu dùng một số hàng hóa, dịch vụ đặc biệt do Nhà nước lựa chọn dựa trên các tiêu chí kinh tế - xã hội cụ thể. Thuế tiêu thụ đặc biệt thu trực tiếp vào hành vi sản xuất, nhập khẩu các loại hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và hành vi kinh doanh các dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Khác với thuế giá trị gia tăng (VAT) – thường áp dụng rộng rãi cho hầu hết hàng hóa, dịch vụ, thuế TTĐB chỉ nhắm đến những sản phẩm có tính chất đặc thù, thường thuộc một trong các nhóm sau: Hàng hóa/dịch vụ có hại cho sức khỏe cộng đồng (thuốc lá, rượu bia, đồ uống có đường). Sản phẩm gây tác động tiêu cực đến môi trường (xăng dầu, túi ni-lông, ô tô động cơ đốt trong). Hàng hóa/dịch vụ mang tính xa xỉ, không thiết yếu (xe hơi cao cấp, dịch vụ casino, du thuyền). Mặt hàng chịu kiểm soát đặc biệt vì lý do đạo đức hoặc an ninh (vũ khí, pháo nổ).

Trước hết, nhóm hàng hóa như thuốc lá, rượu bia là những sản phẩm gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người, có liên quan mật thiết đến các bệnh mãn tính như ung thư, bệnh tim mạch, bệnh gan và các chứng rối loạn tâm thần. Việc áp dụng thuế TTĐB đối với các sản phẩm này không chỉ là biện pháp tài khóa nhằm tăng thu ngân sách mà còn mang tính cảnh báo, nhằm giảm thiểu mức tiêu thụ thông qua việc tăng giá thành sản phẩm. Điều này phù hợp với nguyên tắc “người gây rủi ro cho xã hội phải trả chi phí xã hội”.

Tiếp đến là nhóm phương tiện như ô tô dưới 24 chỗ, mô tô có dung tích xi lanh lớn, tàu bay và du thuyền – những sản phẩm được xếp vào nhóm hàng hóa xa xỉ, chủ yếu phục vụ tầng lớp có thu nhập cao. Việc đánh thuế TTĐB lên các đối tượng này không những phản ánh mục tiêu phân phối lại thu nhập mà còn góp phần giảm thiểu áp lực lên hạ tầng giao thông, tài nguyên nhiên liệu và môi trường sinh thái. Đặc biệt, đối với nhiên liệu như xăng và chế phẩm pha chế xăng, dù không phải là hàng hóa xa xỉ, nhưng lại là nguyên nhân chính gây ra ô nhiễm không khí và hiệu ứng nhà kính. Vì vậy, chính sách thuế trong trường hợp này mang tính chất điều tiết môi trường, khuyến khích sử dụng năng lượng sạch và tiết kiệm nhiên liệu.

Một số mặt hàng khác như điều hòa nhiệt độ, bài lá, vàng mã cũng được đưa vào diện chịu thuế nhằm kiểm soát việc tiêu thụ quá mức điện năng và hạn chế các hoạt động mê tín dị đoan. Từ góc độ chính sách, việc áp dụng thuế đối với những sản phẩm này nhằm góp phần nâng cao ý thức xã hội, thúc đẩy tiêu dùng bền vững và văn minh.

Bên cạnh hàng hóa, các dịch vụ như kinh doanh karaoke, vũ trường, massage, casino, đặt cược, golf và xổ số cũng nằm trong phạm vi điều chỉnh của thuế TTĐB. Đây là những loại hình dịch vụ có khả năng phát sinh nhiều hệ lụy xã hội nếu không được kiểm soát tốt, như các hành vi trái thuần phong mỹ tục, nghiện cờ bạc, rửa tiền, trốn thuế hoặc các tệ nạn xã hội khác. Đối với các hoạt động này, chính sách thuế không chỉ là công cụ quản lý tài khóa mà còn đóng vai trò như một rào cản kỹ thuật giúp Nhà nước kiểm soát phạm vi hoạt động, hạn chế tính phổ biến và quy mô tiêu dùng. Việc áp thuế cao đối với dịch vụ giải trí cao cấp như chơi golf cũng góp phần phản ánh nguyên tắc công bằng thuế: người có khả năng chi tiêu lớn cần đóng góp tương xứng với mức độ hưởng thụ dịch vụ.

1.1.1.2. Đặc điểm của thuế tiêu thụ đặc biệt

Về mặt tính chất, thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế gián thu cao thể hiện việc Nhà nước hạn chế sản xuất và tiêu dùng những mặt hàng. Doanh nghiệp hay người sản xuất chỉ là trung gian trong quá trình thu và nộp thuế.

Đặc trưng nổi bật của thuế tiêu thụ đặc biệt là đối tượng chịu thuế thường là các hàng hóa, dịch vụ không thiết yếu, có xu hướng gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe cộng đồng, môi trường, hoặc tạo ra sự bất bình đẳng xã hội. Việc đánh thuế vào các đối tượng này thể hiện một định hướng quản lý vĩ mô nhằm kiểm soát tiêu dùng và hạn chế các hành vi không được khuyến khích trong xã hội.

Bên cạnh đó, phạm vi áp dụng của thuế tiêu thụ đặc biệt thường hẹp nhưng lại áp dụng thuế suất cao. Điều này phản ánh rõ mục tiêu định hướng tiêu dùng chứ không chỉ đơn thuần là mục tiêu tạo nguồn thu ngân sách. Như vậy, xét trên phương diện lý luận, thuế tiêu thụ đặc biệt là công cụ kinh tế mang tính can thiệp, được sử dụng để điều chỉnh hành vi thị trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng và hướng đến phát triển bền vững.

1.1.1.3. Vai trò của thuế tiêu thụ đặc biệt

Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) đóng vai trò đa diện và ngày càng quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội hiện đại, đặc biệt là tại Việt Nam, nơi quá trình phát triển kinh tế đi kèm với những thách thức riêng.

Dưới góc độ lý luận kinh tế – xã hội, thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) được nhìn nhận như một công cụ điều tiết vĩ mô có vai trò ngày càng rõ nét trong quản lý nhà nước hiện đại, đặc biệt là trong bối cảnh các nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam. Khác với các sắc thuế mang tính phổ quát như thuế giá trị gia tăng hay thuế thu nhập, thuế TTĐB không chỉ phục vụ mục tiêu tài khóa mà còn phản ánh những định hướng chiến lược trong quản lý tiêu dùng, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và điều tiết xã hội.

Trước hết, thuế TTĐB thể hiện chức năng điều tiết hành vi tiêu dùng và định hướng xã hội thông qua việc áp dụng thuế suất cao đối với các loại hàng hóa, dịch vụ không được khuyến khích như rượu, bia, thuốc lá, ô tô hạng sang hay các loại hình giải trí đặc thù. Trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng ngày càng phong phú và có xu hướng vượt ra ngoài nhu cầu thiết yếu, việc áp dụng thuế TTĐB cho phép Nhà nước can thiệp gián tiếp vào hành vi tiêu dùng của người dân, nhằm hạn chế những tác động tiêu cực đến sức khỏe cộng đồng, trật tự xã hội và môi trường sống. Tại Việt

Nam – nơi các vấn đề như lạm dụng rượu bia, tỷ lệ hút thuốc lá cao và xu hướng tiêu dùng hình thức đang hiện diện rõ nét – vai trò này càng trở nên cấp thiết. Cơ chế đánh thuế cao dẫn đến việc tăng giá thành sản phẩm, từ đó làm giảm khả năng tiếp cận đối với những đối tượng tiêu dùng nhạy cảm, đồng thời tạo nên hiệu ứng định hướng lại hành vi theo hướng lành mạnh và bền vững hơn.

Bên cạnh đó, thuế TTĐB còn góp phần tích cực vào việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng và cải thiện môi trường sống. Phần lớn các sản phẩm chịu thuế TTĐB đều gắn với nguy cơ về bệnh tật, tai nạn hoặc ô nhiễm, như rượu mạnh, thuốc lá, phương tiện cơ giới tiêu hao nhiên liệu lớn. Việc đánh thuế không chỉ mang ý nghĩa hạn chế tiêu dùng mà còn tạo lập nguồn tài chính để đầu tư cho các lĩnh vực thiết yếu như y tế công cộng, giáo dục về sức khỏe, kiểm soát ô nhiễm và các chương trình phục hồi môi trường. Trong một quốc gia đang phát triển như Việt Nam, khi gánh nặng y tế và áp lực môi trường đang gia tăng, việc lồng ghép công cụ tài khóa như thuế TTĐB vào các mục tiêu phát triển bền vững là một lựa chọn chính sách mang tính khả thi và hợp lý.

Không thể phủ nhận rằng thuế TTĐB cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nguồn thu ổn định cho ngân sách nhà nước. Do tập trung đánh vào những sản phẩm có giá trị cao và nhu cầu tương đối ổn định, thuế TTĐB thường mang lại nguồn thu lớn và ít biến động. Điều này giúp Nhà nước có thêm dư địa tài khóa để thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đầu tư hạ tầng và bảo đảm ổn định vĩ mô. Tuy nhiên, trong thiết kế chính sách, cần có sự cân bằng giữa mục tiêu thu ngân sách và mục tiêu điều tiết tiêu dùng để không làm suy giảm động lực sản xuất hợp pháp hoặc khuyến khích tiêu dùng bất hợp pháp (buôn lậu, trốn thuế...).

Một khía cạnh khác mang tính chiến lược là vai trò của thuế TTĐB trong điều tiết sản xuất và nhập khẩu. Thông qua việc áp dụng thuế suất khác biệt hoặc lựa chọn đối tượng chịu thuế một cách chọn lọc, Nhà nước có thể gián tiếp khuyến khích sản xuất trong nước, giảm nhập siêu và kiểm soát chất lượng sản phẩm lưu thông trên thị trường. Tuy nhiên, chính sách này cần được xây dựng một cách thận trọng để không

vi phạm các cam kết quốc tế về thương mại và đầu tư, đồng thời đảm bảo sự minh bạch, công bằng trong thực thi.

Cuối cùng, thuế TTĐB còn thể hiện vai trò trong việc thúc đẩy công bằng xã hội và tái phân phối thu nhập. Khi phần lớn đối tượng chịu thuế là những hàng hóa, dịch vụ có xu hướng phục vụ tầng lớp thu nhập cao, việc áp thuế trở thành một hình thức phân bổ lại nguồn lực từ nhóm giàu sang nhóm yếu thế thông qua ngân sách nhà nước. Đây là biểu hiện cụ thể của nguyên lý công bằng trong thuế khóa – người có khả năng chi trả cao hơn sẽ đóng góp nhiều hơn cho cộng đồng.

Như vậy, Thuế TTĐB không chỉ là công cụ tạo nguồn thu, mà còn là công cụ điều tiết quan trọng, có tác động sâu rộng đến đời sống kinh tế - xã hội. Tại Việt Nam, vai trò này càng được nhấn mạnh trong bối cảnh đất nước đang nỗ lực hướng tới phát triển bền vững và công bằng.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc của pháp luật Thuế tiêu thụ đặc biệt

* Khái niệm pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) tại Việt Nam cần được hiểu là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quan trình thu, nộp thuế TTĐB.

Pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế. Trước hết là quan hệ giữa Nhà nước và người nộp thuế, thể hiện qua việc tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ kê khai, nộp thuế, hoàn thuế và chấp hành các quy định pháp luật liên quan. Tiếp theo là quan hệ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, như cơ quan thuế, hải quan, công an, quản lý thị trường... trong việc phối hợp kiểm tra, giám sát và xử lý hành vi vi phạm pháp luật thuế. Bên cạnh đó, còn có quan hệ giữa người nộp thuế và người tiêu dùng, khi thuế tiêu thụ đặc biệt được cộng vào giá bán và người tiêu dùng là đối tượng chịu chi phí thuế cuối cùng. Cuối cùng là các quan hệ phát sinh trong xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc áp dụng và thực thi pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt.- Đặc điểm pháp luật về thuế tiêu thụ đặc

biệt:

Một trong những đặc điểm nổi bật của pháp luật thuế TTĐB là tính chất lựa chọn đối tượng chịu thuế có chủ đích và giới hạn. Không giống như thuế giá trị gia tăng áp dụng rộng rãi cho hàng hóa, dịch vụ trong nền kinh tế, thuế TTĐB chỉ đánh vào một số loại hàng hóa và dịch vụ nhất định mà Nhà nước không khuyến khích tiêu dùng hoặc muốn kiểm soát chặt chẽ, như thuốc lá, rượu bia, ô tô hạng sang, dịch vụ kinh doanh casino, massage, vũ trường... Đây là cách thức pháp lý nhằm định hướng hành vi tiêu dùng và sản xuất, thông qua biện pháp kinh tế thay vì các mệnh lệnh hành chính cứng nhắc.

Tính gián thu cũng là một đặc điểm pháp lý quan trọng của pháp luật thuế TTĐB. Theo đó, nghĩa vụ thuế phát sinh trong quá trình sản xuất hoặc nhập khẩu nhưng được chuyển giao toàn bộ sang người tiêu dùng thông qua giá bán. Chủ thể nộp thuế theo quy định là các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế, tuy nhiên người thực sự gánh chịu chi phí là người tiêu dùng cuối cùng. Cơ chế này phản ánh đặc thù của một sắc thuế vừa mang tính tài chính, vừa mang tính định hướng hành vi.

Pháp luật thuế TTĐB của Việt Nam cũng cho thấy sự kết hợp giữa yếu tố ổn định và linh hoạt. Mặc dù các nguyên tắc cơ bản và cấu trúc pháp lý được giữ ổn định trong Luật thuế TTĐB, song các nội dung như thuế suất, danh mục hàng hóa, dịch vụ chịu thuế lại thường xuyên được điều chỉnh phù hợp với thực tiễn. Việc điều chỉnh này thường được thực hiện thông qua các văn bản hướng dẫn dưới luật hoặc các luật sửa đổi, bổ sung định kỳ, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trong từng giai đoạn cụ thể như kiểm soát ô nhiễm, thay đổi cơ cấu tiêu dùng, hay hội nhập kinh tế quốc tế. Ngoài ra, pháp luật thuế TTĐB còn thể hiện rõ nguyên tắc minh bạch và phân định quyền hạn giữa các cơ quan nhà nước trong quá trình quản lý thuế. Các quy định về kê khai, nộp thuế, hoàn thuế, xử phạt vi phạm được thể chế hóa rõ ràng trong Luật và các nghị định, thông tư hướng dẫn. Điều này không chỉ đảm bảo tính pháp lý chặt chẽ trong quá trình thực thi mà còn giúp nâng cao tính tuân thủ và hiệu quả quản lý nhà nước

về thuế.

Có thể thấy, Luật Thuế TTĐB 2008 và các luật sửa đổi, bổ sung không đưa ra định nghĩa cụ thể về thuế TTĐB Tuy nhiên, căn cứ theo các quy định tại Luật Thuế TNDN 2008 và các văn bản hướng dẫn, pháp luật hiện hành, Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) được hiểu là một loại thuế gián thu, đánh vào một số hàng hóa và dịch vụ đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích tiêu dùng hoặc có tính chất xa xỉ, nhằm mục đích điều tiết sản xuất, nhập khẩu và tiêu dùng các loại hàng hóa, dịch vụ này, đồng thời góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

1.1.2.1. Cơ sở xây dựng chính sách pháp luật về Thuế tiêu thụ đặc biệt

Việc xây dựng chính sách pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) tại Việt Nam không chỉ đơn thuần là một biện pháp tài khóa, mà còn phản ánh sự kết hợp hài hòa giữa các mục tiêu phát triển kinh tế, bảo vệ xã hội và thực hiện các cam kết quốc tế. Trên nền tảng đó, chính sách thuế TTĐB được hình thành và điều chỉnh dựa trên nhiều cơ sở quan trọng mang tính chiến lược và toàn diện.

Trước hết, thuế TTĐB phải đặt trong mối tương quan chặt chẽ với định hướng phát triển kinh tế – xã hội của đất nước trong từng giai đoạn cụ thể. Chính sách thuế TTĐB phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn. Ví dụ, việc điều chỉnh thuế suất đối với ô tô nhằm hướng tới mục tiêu phát triển ngành công nghiệp ô tô nội địa, đồng thời kiểm soát lượng xe nhập khẩu.

Bên cạnh đó, một trong những mục tiêu cốt lõi của thuế TTĐB là hạn chế tiêu dùng các sản phẩm có hại cho sức khỏe (như rượu, bia, thuốc lá) và gây ô nhiễm môi trường. Việc áp thuế cao giúp giảm tiêu thụ, từ đó giảm tác động tiêu cực đến xã hội – đều được áp thuế cao với kỳ vọng hạn chế tiêu dùng, từ đó giảm thiểu các tác động tiêu cực đến hệ thống y tế và an sinh xã hội. Tương tự, việc đánh thuế các sản phẩm tiêu thụ năng lượng lớn hoặc gây ô nhiễm cũng thể hiện rõ định hướng xanh hóa nền kinh tế, hướng tới một mô hình phát triển bền vững và thân thiện với môi trường.

Thêm vào đó, thuế TTĐB còn là công cụ điều tiết thu nhập trong xã hội. Khi

được áp dụng đối với các hàng hóa và dịch vụ xa xỉ như du thuyền, máy bay cá nhân, xe sang, trò chơi có thưởng hay dịch vụ giải trí cao cấp, thuế TTĐB góp phần điều tiết khả năng chi tiêu quá mức của tầng lớp có thu nhập cao. Điều này không chỉ đảm bảo sự công bằng trong việc đóng góp ngân sách mà còn gián tiếp thu hẹp khoảng cách giàu nghèo – một trong những vấn đề nhức nhối của xã hội hiện đại.

Không thể không kể đến yếu tố hội nhập quốc tế trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật thuế TTĐB. Là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và nhiều hiệp định thương mại tự do, Việt Nam buộc phải điều chỉnh chính sách thuế quan nói chung và thuế TTĐB nói riêng để phù hợp với các thông lệ và cam kết quốc tế. Điều này không những tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động xuất nhập khẩu, mà còn góp phần khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế như một nền kinh tế hội nhập, minh bạch và đáng tin cậy.

Cuối cùng, không thể phủ nhận vai trò của thuế TTĐB như một nguồn thu quan trọng trong cơ cấu ngân sách nhà nước. Trong bối cảnh nhu cầu chi tiêu công ngày càng tăng để đáp ứng các mục tiêu phát triển quốc gia, thì thuế TTĐB trở thành một trong những giải pháp tài chính bền vững, giúp cân bằng ngân sách, đảm bảo nguồn lực cho các chương trình y tế, giáo dục, quốc phòng và an sinh xã hội.

Tổng hòa các yếu tố trên cho thấy rằng, chính sách thuế TTĐB ở Việt Nam không chỉ mang tính kỹ thuật tài chính mà còn là biểu hiện cụ thể của chiến lược quản trị quốc gia. Việc định hình và điều chỉnh chính sách này đòi hỏi phải đặt trong bối cảnh tổng thể, đồng thời linh hoạt thích ứng với các biến động kinh tế – xã hội trong nước và quốc tế.

1.1.2.2. Chủ trương, chính sách về Thuế tiêu thụ đặc biệt

Chủ trương, chính sách về thuế TTĐB của Việt Nam thể hiện qua các văn bản pháp luật và định hướng của Đảng, Nhà nước:

Việc xây dựng dự án Luật nhằm thực hiện đúng các chủ trương của Đảng, Nhà nước đã nêu tại các Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016, Nghị quyết số 20-

NQ/TW ngày 25/10/2017, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội, Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội, Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 155/QĐ-TTg ngày 29/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 24/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ⁶.

Xu hướng hiện nay là mở rộng đối tượng chịu thuế TTĐB, bao gồm cả các hàng hóa, dịch vụ mới phát sinh trong nền kinh tế. Việc này nhằm tăng cường nguồn thu ngân sách và đảm bảo tính công bằng trong hệ thống thuế.

Theo đó, luật thuế TTĐB liên tục được sửa đổi, bổ sung để khắc phục các bất cập và đảm bảo tính khả thi trong thực tiễn. Việc này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, chuyên gia và doanh nghiệp. Hiện nay, Chính phủ đang nỗ lực đơn giản hóa các thủ tục kê khai, nộp thuế TTĐB, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế cũng được đẩy mạnh. Các biện pháp chống trốn thuế, gian lận thuế TTĐB được triển khai quyết liệt, nhằm đảm bảo nguồn thu ngân sách. Sự phối hợp giữa các ngành chức năng như thuế, công an, hải quan, v.v... được tăng cường.

Bên cạnh đó, các cơ quan lập pháp của Việt Nam cũng đang nghiên cứu và áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất về thuế TTĐB, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế, phù hợp với xu thế chung về cải cách thuế TTĐB ở nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay là mở rộng cơ sở tính thuế nhằm hạn chế việc tiêu dùng một số loại hàng hóa có hại cho sức khỏe cộng đồng, trẻ em, môi trường hoặc Nhà nước cần có sự điều tiết về tiêu dùng, bổ sung một số hàng hóa, dịch vụ mới vào đối tượng chịu thuế TTĐB

Nhìn chung, pháp luật thuế TTĐB tại Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện khung pháp lý, nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ sức

⁶ Tờ trình số 454/TTr-CP ngày 19/9/2024 của Chính phủ về dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

khỏe cộng đồng và môi trường, hội nhập xu hướng quốc tế, đồng thời đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước.

1.1.2.3. Quá trình hoàn thiện Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt

** Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ngày 14/11/2008, có hiệu lực từ ngày 01/4/2009;*

- Trước năm 2008, Việt Nam đã có quy định về thuế TTĐB nhưng còn rời rạc, phân tán ở nhiều văn bản khác nhau. Khi nền kinh tế phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng, cần có một Luật riêng, thống nhất, minh bạch để:

Điều tiết tiêu dùng các hàng hóa, dịch vụ không thiết yếu, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, môi trường (rượu bia, thuốc lá, xe sang, casino...).

Tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

Thể hiện chính sách thuế mang tính định hướng tiêu dùng, phù hợp thông lệ quốc tế.

Ví dụ: Trước năm 2008, thuế TTĐB áp dụng cho bia, thuốc lá được quy định trong nhiều nghị định khác nhau, gây khó khăn trong thực hiện. Luật 2008 đã hợp nhất, rõ ràng và minh bạch hơn.

** Luật số 70/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, có hiệu lực từ 01/01/2016⁷.*

- Sau 6 năm áp dụng, thực tiễn xuất hiện một số bất cập:

Xuất hiện hành vi lách luật, gian lận thuế: Do quy định giá tính thuế TTĐB là giá bán ra của cơ sở sản xuất, nhiều doanh nghiệp chuyển hàng cho công ty con với giá thấp, giảm số thuế phải nộp.

Chính sách thuế không còn phù hợp: Ví dụ, xe ô tô dung tích lớn (trên 3.0L)

⁷ Chính phủ đã ban hành Nghị định 108/2015/NĐ-CP (28/10/2015) Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế TTĐB và Luật sửa đổi 2014, giúp việc triển khai luật thống nhất, đồng bộ. Thông tư 195/2015/TT-BTC (24/11/2015) Hướng dẫn chi tiết Nghị định 108/2015/NĐ-CP, cụ thể hóa quy trình kê khai, nộp thuế và chính sách miễn, giảm thuế.

gây ô nhiễm cao, tiêu tốn năng lượng nhưng thuế chưa phản ánh đầy đủ chi phí xã hội.

- Vì vậy, Luật này đã thực hiện những điều chỉnh nhất định đối với Luật năm 2008, cụ thể:

Điều chỉnh giá tính thuế.

Tăng thuế suất đối với mặt hàng xe ô tô dung tích lớn, rượu, bia.

Góp phần quản lý chặt chẽ hơn và bảo đảm công bằng.

** Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật Quản lý thuế, có hiệu lực từ 01/07/2016⁸.*

Sau 02 năm ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt. Trước bối cảnh thực tế áp dụng thuế GTGT, TTĐB, và quản lý thuế nảy sinh nhiều vướng mắc, Quốc hội đã thống nhất ban hành Luật số 106/2016/QH13 này, nhằm để:

Vấn đề hoàn thuế GTGT chậm.

Quy định về đối tượng chịu thuế TTĐB còn chưa rõ.

Cần đồng bộ với các luật khác như Luật Quản lý thuế.

Ví dụ: Trước đây, nhiều doanh nghiệp sản xuất hàng hóa chịu thuế TTĐB gặp khó khăn trong việc hoàn thuế đầu vào do quy định chưa cụ thể.

** Văn bản hợp nhất số 02/VBNH-VPQH ngày 28/04/2016.*

Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, việc sửa đổi, bổ

⁸ Chính phủ đã ban hành Nghị định 100/2016/NĐ-CP (01/07/2016) để hướng dẫn chi tiết thi hành Luật số 106/2016/QH13, đảm bảo tính rõ ràng, dễ thực hiện.

Bộ tài chính ban hành Thông tư 130/2016/TT-BTC (12/8/2016) để hướng dẫn thực hiện Nghị định 100/2016/NĐ-CP, làm rõ quy trình, thủ tục kê khai, nộp thuế.

Bộ tài chính ban hành Thông tư 20/2017/TT-BTC (06/03/2017) để sửa đổi, bổ sung Thông tư 195/2015/TT-BTC để phù hợp với quy định mới, khắc phục những bất cập trong thực tiễn.

Chính phủ đã ban hành Nghị định 14/2019/NĐ-CP (01/02/2019) nhằm điều chỉnh, bổ sung một số quy định tại Nghị định 108/2015/NĐ-CP để hoàn thiện chính sách thuế TTĐB.

sung nhiều lần Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (năm 2008, 2014, 2016) khiến văn bản luật bị phân mảnh, gây khó khăn cho cơ quan quản lý, doanh nghiệp và người dân khi tiếp cận, áp dụng. Văn bản hợp nhất số 02/VBNH-VPQH được ban hành nhằm:

Hợp nhất tất cả các quy định hiện hành của Luật thuế TTĐB sau khi đã được sửa đổi, bổ sung.

Giúp người đọc, người áp dụng pháp luật tra cứu thuận tiện, tiết kiệm thời gian.

Đảm bảo tính minh bạch, dễ hiểu, thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật.

Đây là văn bản hợp nhất về mặt kỹ thuật, không có giá trị pháp lý độc lập như luật hay nghị định, nhưng đóng vai trò tập hợp, hệ thống hóa để thực hiện dễ dàng và chính xác hơn.

Ví dụ so sánh: Trước khi có Văn bản hợp nhất số 02, để áp dụng Luật thuế TTĐB, người làm luật và doanh nghiệp phải đọc và đối chiếu ít nhất 3 văn bản luật khác nhau (2008, 2014, 2016). Sau khi có văn bản hợp nhất, chỉ cần tham khảo một văn bản duy nhất, đầy đủ và hệ thống.

** Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự. Luật có hiệu lực từ ngày 01/3/2022.*

- Trong thực tiễn, sau nhiều năm áp dụng, các quy định của Luật TTĐB tiếp tục bộc lộ hạn chế:

Xuất hiện hàng hóa, dịch vụ mới (như thuốc lá điện tử, đồ uống có cồn pha chế sẵn) chưa được điều chỉnh.

Tình trạng chuyển giá, né thuế tiếp tục diễn biến phức tạp.

Cần đồng bộ hóa chính sách thuế với các luật khác trong hệ thống pháp luật như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp.

- Do đó, năm 2022, Luật Thuế TTĐB tiếp tục được sửa đổi nhằm:

Bổ sung đối tượng chịu thuế.

Siết chặt quản lý thuế đối với các dịch vụ có tính chất đặc biệt.

Bảo đảm ngân sách nhà nước, định hướng tiêu dùng lành mạnh.

Có thể thấy quá trình ban hành và sửa đổi các văn bản pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt là một quá trình liên tục. Toàn bộ quá trình xây dựng, sửa đổi này phản ánh sự nỗ lực của các cơ quan lập pháp và hành pháp trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật thuế, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và sự phát triển của kinh tế - xã hội. Mỗi lần ban hành hoặc sửa đổi đều có những lý do và sự cần thiết riêng, xuất phát từ việc đánh giá hiệu quả thực thi của các văn bản trước đó và những thay đổi trong bối cảnh kinh tế - xã hội.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Có thể kết luận rằng Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) là một công cụ kinh tế quan trọng và đa năng tại Việt Nam. Nó không chỉ đơn thuần là một nguồn thu ngân sách nhà nước mà còn đóng vai trò chủ đạo trong việc điều tiết hành vi tiêu dùng, hướng đến mục tiêu bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường. Bằng cách đánh thuế chọn lọc vào các hàng hóa và dịch vụ đặc biệt, Nhà nước có thể hạn chế tiêu dùng những sản phẩm không khuyến khích, đồng thời góp phần tái phân phối thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội.

Pháp luật về Thuế TTĐB tại Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, thể hiện sự chú trọng của Nhà nước trong việc sử dụng công cụ thuế này để đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra, đồng thời phù hợp với xu hướng phát triển và các cam kết quốc tế. Việc liên tục điều chỉnh chính sách, mở rộng cơ sở thuế, đơn giản hóa thủ tục hành chính và tăng cường quản lý thuế cho thấy sự nỗ lực không ngừng nhằm nâng cao hiệu quả của Thuế TTĐB trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT TẠI VIỆT NAM

2.1. Thực trạng Pháp luật Thuế tiêu thụ đặc biệt tại Việt Nam

Nội dung pháp luật về thuế TTĐB là tổng thể các quy phạm pháp luật cụ thể được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến thuế TTĐB. Hiện nay, thuế TTĐB tại Việt Nam được quy định trong Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt 2008 và các luật sửa đổi bổ sung sau đó (sửa đổi các năm 2014, 2016, 2022).

2.1.1. Đối tượng chịu thuế

Các đối tượng chịu thuế được quy định tại Điều 2 của Luật Thuế TTĐB.

Thuốc lá được quy định là đối tượng chịu thuế TTĐB bởi thuốc lá không những là mặt hàng không cần thiết cho nhu cầu hằng ngày của con người, mà còn gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng con người. Thuốc lá có chất kích thích, gây nghiện làm cho người tiêu dùng có được cảm giác hưng phấn, giảm áp lực, mệt mỏi,... nhưng hậu quả để lại là rất nghiêm trọng, nhất là đối với sức khỏe con người. Thuốc lá không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng mà còn ảnh hưởng đến những người xung quanh khi hít phải khói thuốc. Thuốc lá và những chế phẩm từ cây thuốc lá đều chịu thuế TTĐB vì nó đều có ảnh hưởng tiêu cực đến con người, tuy nhiên những sản phẩm từ cây thuốc lá nhưng chưa qua chế biến thì không phải là đối tượng chịu thuế TTĐB.

Rượu, bia được quy định là đối tượng chịu thuế TTĐB bởi đây là những mặt hàng không cần thiết cho đời sống hằng ngày, nếu sử dụng quá mức, không có sự kiểm soát sẽ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, kéo theo đó là những tiêu cực khi con người không làm chủ được hành vi của mình như: gây rối trật tự công cộng, gây tai nạn giao thông. Đối với rượu thì mức độ điều tiết phụ thuộc vào nồng độ cồn trong rượu, nồng độ cồn cao từ 20 độ trở lên đồng nghĩa với mức độ nguy hại cho sức khỏe con người càng lớn vậy nên mức thuế suất sẽ cao hơn rượu có nồng độ cồn dưới 20

độ, và ngược lại. Đối với bia thì việc đánh thuế TTĐB không phân biệt giữa các loại bia khác nhau, có nghĩa là tất cả loại bia đều chịu cùng một mức thuế suất như nhau.

Ô tô dưới 24 chỗ ngồi là đối tượng chịu thuế TTĐB vì đây là mặt hàng xa xỉ so với mức sống của đa số người dân. Việc đánh thuế cũng nhằm điều tiết một phần thu nhập của những người sử dụng loại xe này vào ngân sách nhà nước. Việc đánh thuế đối với ô tô dưới 24 chỗ ngồi còn xuất phát từ lý do hạ tầng cơ sở giao đường bộ ở Việt Nam chưa phát triển kịp với nhu cầu sử dụng phương tiện ô tô của người dân, nên việc gia tăng số lượng xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi đã và đang là nguyên nhân quan trọng gây kẹt xe và ô nhiễm môi trường.

Xe mô tô hai bánh, xe mô tô 3 bánh có dung tích xi lanh trên 125 phân khối (cm^3) là mặt hàng xa xỉ, không đơn thuần phục vụ nhu cầu đi lại của người dân mà chủ yếu đáp ứng đam mê và nhu cầu thể hiện của một số ít người. Vậy nên xe mô tô chỉ được một bộ phận dân cư có thu nhập cao sử dụng, và thường là ở những thành phố lớn. Việc đánh thuế xe mô tô có dung tích xi lanh trên 125 phân khối là vì loại xe có dung tích xi lanh càng lớn thì tiêu tốn càng nhiều nguyên liệu, mức độ gây ô nhiễm môi trường cũng cao hơn. Việc đưa loại xe mô tô này vào danh mục chịu thuế không ảnh hưởng đến các đối tượng sử dụng xe máy phổ thông là người có thu nhập trung bình trở xuống mà vẫn bảo đảm được yêu cầu định hướng tiêu dùng, khuyến khích sử dụng năng lượng có hiệu quả, tiết kiệm nhiên liệu và góp phần giảm ô nhiễm môi trường.

Tàu bay và du thuyền là những sản phẩm chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài với giá cả rất đắt đỏ, được sử dụng vào mục đích đi lại và du lịch cá nhân. Chỉ những người có thu nhập rất cao mới đủ khả năng chi trả, để phục vụ nhu cầu riêng nên đây là hàng hóa mang tính xa xỉ, không cần thiết. Vì vậy, theo pháp luật thuế TTĐB, người tiêu dùng mua sắm du thuyền cho mục đích cá nhân phải chịu một khoản thuế nhằm thực hiện chính sách điều tiết thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật, không phải tất cả các loại tàu bay, du thuyền đều chịu thuế TTĐB mà chỉ thu thuế đối với hành vi tiêu dùng cá nhân, theo đó nếu sử

dụng tàu bay và du thuyền vào mục đích kinh doanh, vận chuyển, khách du lịch, phục vụ quốc phòng an ninh,... thì không phải chịu thuế TTĐB.

Xăng các loại, là nhiên liệu để chạy động cơ cũng thuộc danh mục đối tượng chịu thuế TTĐB. Mặc dù, đây là mặt hàng chiến lược, và là sản phẩm thiết yếu để phục vụ nhu cầu đi lại, sản xuất, kinh doanh của người dân nhưng vẫn bị đánh thuế TTĐB bởi việc sử dụng xăng làm nhiên liệu cho các phương tiện vận tải đã thải ra rất nhiều khói bụi, trong đó chứa rất nhiều chất độc hại, không chỉ làm ô nhiễm không khí mà còn ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân. Chính vì vậy, dù là một mặt hàng thiết yếu cho nền kinh tế và sinh hoạt hàng ngày, xăng vẫn thuộc diện chịu thuế TTĐB nhằm hạn chế việc tiêu thụ quá mức, định hướng người dân sử dụng xăng tiết kiệm, hiệu quả.

Điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống là mặt hàng sử dụng chủ yếu trong gia đình và văn phòng. Điều hòa nhiệt độ tiêu tốn nhiều điện năng và khí thải của nó là một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nên cần hạn chế sử dụng do đó mặt hàng này là đối tượng chịu thuế TTĐB. Trường hợp các cơ sở sản xuất bán hoặc nhập khẩu tách riêng từng bộ phận như cục nóng, cục lạnh thì đây vẫn thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB như đối với sản phẩm hoàn chỉnh (điều hòa hoàn chỉnh).

Riêng đối với các loại điều hòa có công suất dưới 90.000 BTU nhưng được lắp đặt trong các phương tiện vận tải như ô tô, toa xe tàu lửa, tàu thuyền, tàu bay thì không phải chịu thuế TTĐB vì những sản phẩm này có công suất nhỏ, không tốn nhiều điện năng, chủ yếu phục vụ các hành khách.

Bài lá là sản phẩm được dùng làm phương tiện đánh bạc. Bên cạnh việc sử dụng vào hoạt động giải trí, thư giãn của người dân đơn thuần của người dân hoặc được dùng hợp pháp trong các casino thì bài lá còn được cái đối tượng xấu sử dụng vào hoạt động đánh bạc trái phép. Mặt hàng này khi bị lạm dụng có thể dẫn đến tệ nạn xã hội như cờ bạc, gây lãng phí thời gian, tiền bạc và bất ổn xã hội. Vì thế, Nhà

nước đánh thuế TTĐB đối với bài lá nhằm hạn chế người dân mua và sử dụng, xóa bỏ nạn cờ bạc.

Vàng mã, hàng mã là đối tượng chịu thuế TTĐB. Các sản phẩm này rất phong phú về chủng loại như điện thoại, tivi, tiền, vàng, nhà, xe,... được làm bằng giấy mô phỏng giống hoặc gần giống như đồ thật. Theo tục lệ xưa truyền lại việc đốt vàng mã, hàng mã sẽ cho người đã mất có cuộc sống sung túc ở thế giới bên kia. Nhiều người tin rằng, đốt càng nhiều cho người âm thì họ càng trở nên giàu có, từ đó sẽ phù hộ nhiều hơn cho người còn sống. Hàng mã, vàng mã là mặt hàng phục vụ nhu cầu tín ngưỡng của người dân, tuy nhiên, việc sử dụng tràn lan là hành động thể hiện sự mê tín dị đoan, lãng phí. Không những thế, nếu đốt không cẩn thận khiến tàn khói bay đi lung tung có thể gây nên hỏa hoạn. Trong quá trình đốt vàng mã, hàng mã cũng tạo ra một lượng khói bụi gây ô nhiễm môi trường và phần nào ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.

Kinh doanh vũ trường; mát-xa; ka-ra-ô-kê là những loại hình dịch vụ phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí và thư giãn đơn thuần của người dân. Tuy nhiên, do các loại hình này được tổ chức trong một không gian kín đáo nên dễ bị các đối tượng xấu lợi dụng để thực hiện những hành vi không lành mạnh, vi phạm pháp luật như: mại dâm, ma túy. Điều này làm ảnh hưởng đến trật tự công cộng, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Bên cạnh đó, đây là các dịch vụ giải trí không cần thiết cho xã hội, thậm chí là có giá thành đắt đỏ. Vậy nên Nhà nước đánh thuế TTĐB đối với các hoạt động kinh doanh này nhằm hạn chế tiêu dùng đối với các loại dịch vụ này, khuyến khích sử dụng các loại hình giải trí lành mạnh hơn, bên cạnh đó cũng điều tiết thu nhập của những người sử dụng dịch vụ này vào ngân sách nhà nước.

Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng; kinh doanh đặt cược và kinh doanh xổ số là các trò chơi mang tính may rủi, chủ yếu phục vụ nhu cầu giải trí của người dân. Bản chất của những dịch vụ này nhằm mang lại niềm vui, giải tỏa căng thẳng mệt mỏi. Nhưng do tính may rủi nên dễ làm phát sinh tính ăn thua của người chơi, càng khiến người chơi lún sâu vào với tâm lý gỡ gạc lại số tiền đã mất. Từ đó

dẫn đến những hệ lụy khác như làm ảnh hưởng kinh tế gia đình, thậm chí còn dẫn đến nạn trộm cắp, cướp giật, gây mất trật tự xã hội. Đối với sở xố là loại hình huy động nguồn tài chính phục vụ lợi ích cộng đồng nhưng vẫn có thể dẫn đến những tiêu cực khác như nạn số đề. Vậy nên các loại hình dịch vụ này đều được quy định là đối tượng chịu thuế TTĐB.

Kinh doanh golf là loại hình dịch vụ xa xỉ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB. Đây là môn thể thao đòi hỏi phải có không gian rộng, đẹp nên có chi phí đầu tư rất lớn, mang tính xa xỉ. Vậy nên chỉ những người có thu nhập cao mới đủ khả năng kinh tế để chi trả cho dịch vụ này. Bên cạnh đó, dịch vụ golf còn gây ảnh hưởng khá nghiêm trọng đến môi trường đất (do phải dùng lượng lớn nước sạch và thuốc trừ sâu để chăm sóc bãi cỏ), gây lãng phí khi đất đai đang dần khan hiếm do dân số tăng nhanh. Vậy nên Nhà nước đã đánh thuế đối với dịch vụ golf nhằm hạn chế sự đầu tư ồ ạt vào loại hình này cũng như định hướng tiêu dùng, điều tiết thu nhập của người tiêu dùng có thu nhập cao.

2.1.2. Đối tượng không chịu thuế

Các đối tượng không chịu thuế được quy định tại Điều 3 của Luật Thuế TTĐB năm 2008: “Hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật này không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt trong các trường hợp sau:”

Hàng hóa do cơ sở sản xuất, gia công trực tiếp xuất khẩu hoặc bán, ủy thác cho cơ sở kinh doanh khác để xuất khẩu; quy định này đang sử dụng từ ngữ “cơ sở sản xuất”, so sánh với các luật khác, hiện nay đang sử dụng cụm từ “tổ chức” sẽ đảm bảo minh bạch hơn về ngữ nghĩa của quy định.

Hàng hóa nhập khẩu, được quy định thành 4 điểm, và đang được thực hiện theo các văn bản dưới Luật⁹. Do đó, cần xem xét để cụ thể hóa các nội dung vào trong Luật để hoàn thiện.

⁹ Quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ và điểm 2.1 khoản 2 Điều 3 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

Tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hoá, hành khách, khách du lịch; các quy định về đối tượng không chịu thuế này thường không sử dụng cho mục đích cá nhân. Đây cũng là để phân biệt với trường hợp các đối tượng có thu nhập cao trong xã hội sử dụng những mặt hàng này phục vụ nhu cầu cá nhân.

Xe ô tô cứu thương; xe ô tô chở phạm nhân; xe ô tô tang lễ; xe ô tô thiết kế vừa có chỗ ngồi, vừa có chỗ đứng chở được từ 24 người trở lên; xe ô tô chạy trong khu vui chơi, giải trí, thể thao không đăng ký lưu hành và không tham gia giao thông; quy định không chịu thuế đối với các loại phương tiện này phù hợp với yêu cầu phục vụ chung của xã hội, của cộng đồng, nhưng vẫn còn một số hình thức cũng như khu vực chưa được đề cập đến (như khu du lịch, khu di tích lịch sử,...)

Hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hoá từ nội địa bán vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hoá được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau, trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ; Luật thuế TTĐB quy định các loại hàng hóa vào khu phi thuế quan nhằm đảm bảo đồng bộ với việc không áp dụng các loại thuế gián thu đối với khu vực phi thuế quan.

2.1.3. Căn cứ tính thuế, giá tính thuế

Về căn cứ tính thuế: Theo quy định tại Luật thuế TTĐB và các văn bản hướng dẫn, căn cứ tính thuế TTĐB là giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và thuế suất¹⁰.

$$\text{Số thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} \times \text{Thuế suất TTĐB}$$

Về giá tính thuế TTĐB:

Giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa, dịch vụ là giá bán ra, giá cung ứng dịch vụ chưa có thuế TTĐB, chưa có thuế bảo vệ môi trường và chưa có thuế giá trị gia tăng¹¹.

¹⁰ Điều 5, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt 2008.

¹¹ Điều 6, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt 2008.

Đối với hàng hóa sản xuất trong nước và hàng hóa nhập khẩu (trừ xăng các loại), giá tính thuế TTĐB thường được xác định dựa trên giá bán ra của cơ sở sản xuất hoặc nhập khẩu. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, để ngăn chặn việc trốn thuế thông qua việc khai giá thấp, pháp luật cũng quy định các nguyên tắc và phương pháp xác định giá tính thuế đặc biệt, ví dụ như đối với ô tô dưới 24 chỗ.

Đối với hàng hóa nhập khẩu tại khâu nhập khẩu, giá tính thuế TTĐB được xác định bằng giá tính thuế nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu. Điều này đảm bảo rằng thuế TTĐB được tính trên toàn bộ giá trị của hàng hóa khi nhập khẩu vào Việt Nam.

Thông tư 195/2015/TT-BTC cũng quy định chi tiết về giá tính thuế đối với hàng hóa gia công, hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh, hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm, hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mại, và đối với cơ sở kinh doanh xuất khẩu mua hàng chịu thuế TTĐB để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà bán trong nước. Các quy định này nhằm bao quát mọi hình thức kinh doanh và đảm bảo việc tính thuế được thực hiện một cách công bằng và hiệu quả.

2.1.4. Hoàn thuế, khấu trừ thuế, giảm thuế

Luật thuế TTĐB và các văn bản hướng dẫn quy định cụ thể về các trường hợp được hoàn thuế, khấu trừ thuế và giảm thuế TTĐB.

Về hoàn thuế: theo Điều 8 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung, người nộp thuế TTĐB được hoàn thuế đã nộp trong các trường hợp như hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu; quyết toán thuế khi có số thuế nộp thừa do sáp nhập, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu; và các trường hợp hoàn thuế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Việc hoàn thuế nhằm đảm bảo không đánh thuế trùng lặp và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh quốc tế.

Lưu ý: Việc hoàn thuế TTĐB đối với hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu chỉ thực hiện đối với hàng hóa thực tế xuất khẩu.

Về khấu trừ thuế: người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB bằng nguyên liệu đã nộp thuế TTĐB nếu có chứng từ hợp pháp thì được khấu trừ số thuế đã nộp đối với nguyên liệu khi xác định số thuế TTĐB phải nộp ở khâu sản xuất. Cơ chế khấu trừ này giúp tránh tình trạng thuế chồng thuế trong quá trình sản xuất.

Về giảm thuế: được áp dụng cho người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB gặp khó khăn do thiên tai, tai nạn bất ngờ. Mức giảm thuế được xác định dựa trên mức độ thiệt hại thực tế nhưng không quá 30% số thuế phải nộp của năm xảy ra thiệt hại và không vượt quá giá trị tài sản bị thiệt hại sau khi được bồi thường (nếu có). Quy định này thể hiện sự hỗ trợ của nhà nước đối với các doanh nghiệp gặp khó khăn do các yếu tố khách quan. Thông tư 195/2015/TT-BTC và các văn bản liên quan quy định chi tiết về hồ sơ, thủ tục hoàn thuế, khấu trừ thuế.

2.2. Các vấn đề bất cập trong pháp luật về Thuế tiêu thụ đặc biệt tại Việt Nam hiện nay

Trong 15 năm triển khai thực hiện, nhìn chung quan hệ giữa Luật thuế TTĐB và pháp luật có liên quan tương đối ổn định. Tuy nhiên, hiện nay tại Luật thuế TTĐB đã xuất hiện một số nội dung mâu thuẫn với pháp luật chuyên ngành cần phải được khắc phục. Sự vướng mắc, không thống nhất xuất phát từ các nguyên nhân sau:

- Một số quy định của Luật thuế TTĐB được ban hành hiện không còn phù hợp với thực tiễn xã hội, nhu cầu hội nhập, nhất là việc mở rộng các đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế suất chưa phù hợp với xu hướng của thế giới, giải pháp tăng thuế chưa cụ thể.

Do đó, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến thuế TTĐB và giải quyết tốt những bất cập, vướng mắc giữa Luật thuế TTĐB và các luật liên quan là hết

sức cần thiết.

- Hiện nay có 07 Luật liên quan đến thuế (gồm: Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật thuế bảo vệ môi trường, Luật thuế tài nguyên, Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp) thì trong đó có 01/07 Luật có nội dung vướng mắc, chồng chéo với Luật thuế TTĐB, cụ thể là Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu¹².

Bảng 1. So sánh các quy định còn bất cập chồng chéo giữa các Luật về Thuế

TT	Luật thuế liên quan	Quy định cụ thể đang bất cập, chồng chéo	Nội dung bất cập, chồng chéo	Hệ quả / Đánh giá
1	Luật Thuế Xuất khẩu, Thuế nhập khẩu (với Luật TTĐB)	Điều 6, khoản 3 Luật Thuế TTĐB số 27/2008/QH12 (đã sửa đổi) và Điều 8 của Luật Thuế Xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu số 107/2016/QH13	Quy định giá tính thuế TTĐB với hàng nhập khẩu là giá tính thuế nhập khẩu + thuế nhập khẩu (Tình trạng "thuế chồng thuế")	- Tăng gánh nặng thuế, gây khó khăn cho doanh nghiệp. - Giảm năng lực cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu.

- Bên cạnh đó, trong 09 nhóm Luật, pháp luật chuyên ngành (gồm: (1) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá; (2) Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia; (3) Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, (4) Luật Hải quan; (5) Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và Tiêu chuẩn Việt Nam về ô tô; (6) Luật Doanh nghiệp; (7) Luật Thương mại; (8) Luật Quản lý ngoại thương; (9) Luật Hợp tác xã) thì cho thấy một số quy định của Luật thuế TTĐB chưa có sự đồng bộ, cập nhật kịp thời với một số Luật chuyên ngành¹³.

¹² Báo cáo số 259/BC-BTC ngày 13/10/2024 của Bộ Tài chính về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

¹³ Báo cáo số 259/BC-BTC ngày 13/10/2024 của Bộ Tài chính về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

Bảng 2: Bảng tổng hợp so sánh các quy định cụ thể trong 09 nhóm luật chuyên ngành đang chồng chéo, giao thoa hoặc mâu thuẫn với Luật Thuế (TTĐB)

TT	Luật/Pháp luật chuyên ngành	Quy định, điều khoản liên quan	Quy định Luật TTĐB liên quan	Nội dung chồng chéo, mâu thuẫn	Vấn đề cần tháo gỡ
1	Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá	Điều 2, Điều 3	Điều 2 Luật TTĐB	Mục tiêu hạn chế tiêu dùng thuốc lá nhưng TTĐB chưa có lộ trình tăng thuế mạnh.	Điều chỉnh lộ trình tăng thuế phù hợp với mục tiêu kiểm soát.
2	Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia	Điều 2, Điều 5	Điều 2 Luật TTĐB	Mục tiêu hạn chế tiêu dùng rượu, bia chưa đồng bộ với chính sách thuế điều tiết.	Xây dựng lộ trình, mức thuế TTĐB đủ tác động hạn chế tiêu dùng.

Qua rà soát, tổng hợp các quy định tại Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và các văn bản pháp luật chuyên ngành liên quan, tác giả nhận định rằng:

Về nguyên nhân chồng chéo, mâu thuẫn: Các quy định chồng chéo, mâu thuẫn chủ yếu phát sinh từ việc xây dựng pháp luật theo từng lĩnh vực, trong đó mục tiêu, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng giữa Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và các luật chuyên ngành có sự khác biệt. Cụ thể, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt hướng tới mục tiêu điều tiết thu ngân sách và kiểm soát tiêu dùng thông qua chính sách thuế; trong khi

các luật chuyên ngành lại thiên về khuyến khích phát triển, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng hoặc tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh.

Bên cạnh đó, quy định về tiêu chí quản lý, xác định giá tính thuế, đối tượng chịu thuế trong Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và các luật chuyên ngành chưa được rà soát, cập nhật kịp thời để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

Ngoài ra, cơ chế phối hợp giữa cơ quan thuế và các cơ quan quản lý chuyên ngành còn hạn chế, thiếu quy định rõ ràng về trách nhiệm, quyền hạn trong việc trao đổi thông tin, dữ liệu, phối hợp kiểm tra, giám sát, dẫn đến những vướng mắc trong quá trình thực thi.

Về hậu quả, tác động:

Sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các quy định đã và đang gây khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc tổ chức thực hiện chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt, nhất là trong công tác kiểm tra, kiểm soát, xác định đối tượng, giá tính thuế và nghĩa vụ thuế.

Làm phát sinh nguy cơ gian lận thuế, kê khai giá tính thuế không đúng thực tế, trốn tránh nghĩa vụ thuế tiêu thụ đặc biệt.

Gây bất ổn trong môi trường đầu tư, kinh doanh do thiếu rõ ràng, minh bạch về chính sách thuế và quy định pháp luật điều chỉnh liên quan.

Về định hướng, kiến nghị:

Cần thiết phải rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và các văn bản pháp luật có liên quan nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn hiện nay.

Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan thuế và các cơ quan chuyên ngành trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đối tượng, hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Xem xét điều chỉnh chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt theo hướng phù hợp với định hướng điều tiết tiêu dùng, bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp.

Mặc dù Luật Thuế TTĐB là Luật cơ bản điều chỉnh các chính sách về thuế TTĐB, nhưng vẫn có sự khác nhau giữa quy định của Luật này và các Luật khác trong việc áp dụng chính sách thuế TTĐB dẫn đến sự không đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

2.2.1. Đối tượng chịu thuế

Mặc dù đã có nhiều sửa đổi, bổ sung, pháp luật về đối tượng chịu thuế TTĐB vẫn còn tồn tại một số bất cập. So với thông lệ quốc tế, phạm vi đối tượng chịu thuế TTĐB ở Việt Nam còn hẹp¹⁴. Nhiều ý kiến cho rằng cần mở rộng đối tượng chịu thuế sang các mặt hàng và dịch vụ khác như nước ngọt có đường, thuốc lá điện tử, và có thể xem xét lại việc đánh thuế đối với điều hòa nhiệt độ theo hướng khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường¹⁵. Việc bổ sung nước giải khát có đường vào diện chịu thuế được nhiều chuyên gia ủng hộ vì lý do sức khỏe cộng đồng¹⁶. Một số quy định về mô tả hàng hóa tại Biểu thuế chưa thực sự rõ ràng, dẫn đến vướng mắc trong thực tế thực hiện¹⁷. Ví dụ, việc xác định tiêu chuẩn chất lượng hoặc hình thức xử lý đối với các sản phẩm thuốc lá không đạt tiêu chuẩn cần được làm rõ hơn

¹⁴ Sửa Luật để khắc phục bất cập, phát huy hơn nữa vai trò của thuế tiêu thụ đặc biệt 24/02/2023 16:53:00 - Tin bộ tài chính, truy cập vào tháng 3 27, 2025, https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/l/tin-bo-tai-chinh?dDocName=MOFUCM267136

¹⁵ Sửa Luật để khắc phục bất cập, phát huy hơn nữa vai trò của thuế tiêu thụ đặc biệt 24/02/2023 16:53:00 - Tin bộ tài chính, truy cập vào tháng 3 27, 2025, https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/l/tin-bo-tai-chinh?dDocName=MOFUCM267136

¹⁶ Hoàn thiện quy định về chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt theo hướng mở rộng cơ sở thu thuế - Báo Nhân Dân, truy cập vào tháng 3 27, 2025, <https://nhandan.vn/hoan-thien-quy-dinh-ve-chinh-sach-thue-tieu-thu-dac-biet-theo-huong-mo-rong-co-so-thu-thue-post846336.html>

¹⁷ Sửa Luật để khắc phục bất cập, phát huy hơn nữa vai trò của thuế tiêu thụ đặc biệt 24/02/2023 16:53:00 - Tin bộ tài chính, truy cập vào tháng 3 27, 2025, https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/l/tin-bo-tai-chinh?dDocName=MOFUCM267136

để đảm bảo tính minh bạch trong áp dụng thuế¹⁸. Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Thuận cũng đề xuất bổ sung mặt hàng pháo hoa vào đối tượng chịu thuế TTĐB vì lý do an toàn và tính không thiết yếu của mặt hàng này¹⁹. Điều này cho thấy nhu cầu điều chỉnh đối tượng chịu thuế để phù hợp với tình hình thực tế và các vấn đề xã hội phát sinh.

2.2.2. Đối tượng không chịu thuế

Qua rà soát các quy định hiện hành của Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt và thực tiễn triển khai, tác giả nhận định một số bất cập, vướng mắc trong quy định đối với các đối tượng không chịu thuế TTĐB như sau:

- Quy định chưa rõ ràng, thiếu minh bạch:

Luật hiện hành chưa quy định rõ trường hợp hàng hóa do tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, thuê gia công để trực tiếp xuất khẩu hoặc bán, ủy thác xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

Chính sách đang được điều chỉnh chủ yếu qua các văn bản dưới luật (Nghị định, Thông tư), chưa được luật hóa, gây thiếu minh bạch, không ổn định về chính sách.

- Một số nội dung không thống nhất với pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Ví dụ: Quy định về hàng hóa viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại, quà tặng, quà biếu, hàng quá cảnh, trung chuyển còn sơ sài, chưa đồng bộ với quy định về định mức miễn thuế nhập khẩu theo Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Dẫn đến tình trạng áp dụng chưa thống nhất, dễ hiểu sai hoặc lúng túng khi thực hiện.

Nhìn chung, các quy định về đối tượng không chịu thuế TTĐB trong Luật hiện hành còn thiếu rõ ràng, chưa đầy đủ, thiếu tính ổn định và minh bạch, nhiều nội dung

¹⁸ Đảm bảo tính minh bạch trong áp dụng thuế - Báo Bình Thuận, truy cập vào tháng 3 27, 2025, <https://baobinhthuan.com.vn/dam-bao-tinh-minh-bach-trong-ap-dung-thue-125979.html>

¹⁹ Trường đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Thuận: Nên bổ sung pháo ..., truy cập vào tháng 3 27, 2025, <https://www.binhthuan.dcs.vn/Tin-tuc/post/260786/truong-doan-dai-bieu-quoc-hoi-tinh-binh-thuan-nen-bo-sung-phao-hoa-vao-hang-hoa-ap-dung-thue-tieu-thu-dac-biet>

phải dựa vào văn bản dưới luật để hướng dẫn, gây khó khăn trong tổ chức thực hiện và dễ phát sinh tranh chấp, khiếu nại.

2.2.3. Căn cứ tính thuế, giá tính thuế

Một số bất cập liên quan đến căn cứ tính thuế và giá tính thuế cũng đã được chỉ ra. Trong quá khứ, đã có sự không thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật về giá tính thuế đối với hàng hóa gia công. Nghị định 149/2003/NĐ-CP và Thông tư 119/2003/TT-BTC có những quy định khác nhau, gây khó khăn cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý thuế. Vấn đề về phương pháp xác định giá tính thuế TTĐB trong trường hợp cơ sở gia công hàng hóa nộp thuế cũng chưa được quy định một cách cụ thể. Đối với trường hợp cơ sở kinh doanh xuất khẩu mua hàng để xuất khẩu nhưng sau đó lại bán trong nước, việc xác định giá tính thuế TTĐB dựa trên giá mua vào đôi khi gặp khó khăn nếu không xác định được chính xác giá mua vào.

Ngoài ra, liên đến việc chồng chéo về Giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu: Cả Luật Thuế TTĐB (Khoản 2, Điều 6) và Luật Thuế Xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu (khoản 1, Điều 8) đều quy định về giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu, cụ thể như sau:

Bảng 3: Nội dung chồng chéo giữa Luật Thuế TTĐB và Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Nội dung	Luật Thuế Tiêu thụ Đặc biệt 2008 (sửa đổi, bổ sung)	Luật Thuế Xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu 2016
Giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu	Khoản 2 Điều 6: Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá tính thuế nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế không bao gồm số thuế nhập khẩu được miễn, giảm;	Khoản 1 Điều 8: Trị giá tính thuế XK, NK là trị giá hải quan theo quy định của Luật Hải quan (thường là giá thực tế phải trả đến cửa khẩu nhập đầu tiên đối với hàng NK).

Dự thảo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi (2025)	Khoản 2 Điều 6: Đối với hàng hóa nhập khẩu tại khâu nhập khẩu là <i>trị</i> giá tính thuế nhập khẩu <i>theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu</i> , cộng với thuế nhập khẩu, cộng với các khoản thuế là thuế nhập khẩu bổ sung theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (nếu có). Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu, <i>thuế nhập khẩu bổ sung</i> thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt không bao gồm số thuế nhập khẩu, <i>thuế nhập khẩu bổ sung</i> được miễn, giảm.	
Bản chất xác định giá tính thuế	Cộng thêm thuế nhập khẩu vào giá tính thuế TTĐB → Làm tăng giá tính thuế.	Dựa trên trị giá hải quan (CIF) - không bao gồm thuế nhập khẩu.
Điểm mâu thuẫn (chồng chéo)	Giá tính thuế TTĐB lấy cả số thuế nhập khẩu làm căn cứ (đã nộp rồi) → Hiệu ứng "thuế chồng thuế" (đánh thuế trên cả phần thuế nhập khẩu).	Không áp dụng nguyên tắc cộng thuế vào giá tính thuế. Nguyên tắc đánh thuế "trị giá giao dịch".
Hướng dẫn dưới luật	Điều 5 Thông tư 195/2015/TT-BTC, sửa đổi bởi Thông tư 130/2016/TT-BTC và Thông tư 25/2023/TT-BTC: Hướng dẫn cụ thể cách tính, giữ nguyên nguyên tắc cộng thuế nhập khẩu.	Nghị định 134/2016/NĐ-CP (và sửa đổi bởi Nghị định 18/2021/NĐ-CP) hướng dẫn nhưng không can thiệp vào giá trị TTĐB.

Chồng chéo và bất cập: Việc tính thuế TTĐB dựa trên giá đã bao gồm thuế nhập khẩu dẫn đến hiện tượng "*thuế chồng thuế*", tức là đánh thuế trên cả phần thuế đã nộp trước đó, làm tăng gánh nặng thuế cho doanh nghiệp và có thể ảnh hưởng đến giá cả hàng hóa trên thị trường.

Tác động của quy định này có thể minh họa cụ thể như sau:

Giả định: Có 01 lô hàng nhập khẩu tại hải quan, trị giá hải quan và thuế thuế là giả định. Phương thức tính như sau:

- Trị giá hải quan của lô hàng nhập khẩu: 1.000.000.000 VNĐ
- Thuế suất thuế nhập khẩu: 20%
- Thuế suất thuế TTĐB: 30%

Bảng 4. Bảng tính thuế TTĐB đối với hàng hóa nhập khẩu

Cách tính	Nội dung tính
Theo Dự thảo	Thuế nhập khẩu: $1.000.000.000 \times 20\% = 200.000.000$ VNĐ Giá tính thuế TTĐB: $1.000.000.000 + 200.000.000 = 1.200.000.000$ VNĐ Thuế TTĐB phải nộp: $1.200.000.000 \times 30\% = 360.000.000$ VNĐ => Tổng số thuế doanh nghiệp phải nộp gồm: Thuế nhập khẩu: 200.000.000 VNĐ Thuế TTĐB: 360.000.000 VNĐ Tổng cộng: 560.000.000 VNĐ
Theo hướng đề xuất sửa đổi	Nếu sửa đổi bãi bỏ quy định cộng thuế nhập khẩu: Thuế nhập khẩu: $1.000.000.000 \times 20\% = 200.000.000$ VNĐ Thuế TTĐB: $1.000.000.000 \times 30\% = 300.000.000$ VNĐ => Tổng số thuế doanh nghiệp phải nộp gồm: Tổng số thuế: $200.000.000 + 300.000.000 = 500.000.000$ VNĐ Chênh lệch chi phí thuế: 60.000.000 VNĐ/lô hàng (6% trị giá hàng hóa).

2.2.4. Hoàn thuế, khấu trừ thuế, giảm thuế

Trong lĩnh vực hoàn thuế, khấu trừ thuế và giảm thuế TTĐB cũng còn tồn tại một số vấn đề cần giải quyết.

Quy định về hoàn thuế còn dàn trải, thiếu rõ ràng và dễ bị lợi dụng: Một số trường hợp hoàn thuế quy định tại Điều 8 Luật hiện hành (như hàng tạm nhập tái xuất) không còn phù hợp, dễ bị lợi dụng chính sách, gây khó khăn trong quản lý thuế.

Chưa quy định rõ nguyên tắc, điều kiện hoàn thuế đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, dẫn đến rủi ro thất thu thuế, khó kiểm soát.

Chưa thể hiện rõ tính khuyến khích sản xuất, tiêu dùng thân thiện môi trường. Chính sách khấu trừ, hoàn thuế đối với xăng khoáng sử dụng để sản xuất xăng sinh học mới chỉ thực hiện qua văn bản dưới luật, chưa được luật hóa, thiếu tính ổn định, minh bạch.

Quy định về giảm thuế chưa cụ thể: Hiện chưa có quy định cụ thể trong Luật về thủ tục, hồ sơ giảm thuế, vẫn phải dẫn chiếu sang Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn, gây khó khăn trong thực thi.

2.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt ở Việt Nam hiện nay

2.3.1. Yếu tố ảnh hưởng việc thi hành luật thuế tiêu thụ đặc biệt

Việc thi hành luật thuế TTĐB chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Các yếu tố khách quan bao gồm sự biến động khó lường của nền kinh tế trong nước và quốc tế, sự cần thiết phải đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật thuế TTĐB với hệ thống pháp luật khác, sự đa dạng và phức tạp ngày càng tăng của hoạt động kinh doanh, và các xu hướng quốc tế trong chính sách thuế.

Các yếu tố chủ quan bao gồm việc đánh giá và dự báo tình hình kinh tế chưa thực sự sát sao, và việc thực hiện các cải cách chính sách thuế TTĐB còn chưa đồng bộ. Điều này gây khó khăn trong việc rà soát, hợp lý hóa chính sách, mở rộng đối

tượng chịu thuế và điều chỉnh thuế suất một cách hiệu quả.

Đối với ngành ô tô sản xuất trong nước, các yếu tố như dung tích xi-lanh, loại nhiên liệu sử dụng, mức độ nội địa hóa, chính sách ưu đãi của Chính phủ và các hiệp định thương mại tự do cũng có tác động đáng kể đến mức thuế TTĐB phải nộp²⁰.

2.3.2. Kết quả đạt được từ khi ban hành luật tiêu thụ đặc biệt

Kể từ khi được ban hành, luật thuế TTĐB đã đạt được nhiều kết quả tích cực²¹. Luật đã góp phần định hướng sản xuất và tiêu dùng của xã hội theo chủ trương của Nhà nước, điều tiết thu nhập của người tiêu dùng có thu nhập cao, góp phần tái phân phối thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội. Luật cũng góp phần bảo vệ môi trường thông qua việc điều tiết tiêu dùng các nhiên liệu có nguồn gốc hóa thạch và khuyến khích sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường²².

Thuế TTĐB đã đáp ứng yêu cầu phục vụ tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam thông qua việc điều chỉnh thuế suất đối với một số mặt hàng như ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước và áp dụng một mức thuế suất đối với mặt hàng thuốc lá. Luật cũng góp phần thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam khi gia nhập WTO và Công ước khung về kiểm soát thuốc lá của Tổ chức Y tế Thế giới (FCTC-WHO)²³.

Đặc biệt, thuế TTĐB đã trở thành một nguồn thu ổn định và ngày càng quan trọng cho ngân sách nhà nước. Trong giai đoạn 2015-2020, số thu thuế TTĐB năm sau luôn cao hơn năm trước, với tỷ trọng đóng góp vào tổng thu ngân sách nhà nước tăng từ 6,5% năm 2015 lên khoảng 8,3% năm 2020, chiếm khoảng 2% GDP²⁴.

²⁰ Những yếu tố nào ảnh hưởng đến mức thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất trong nước? - Luật PVL Group, truy cập vào tháng 3 27, 2025, <https://luatpvlgroup.com/nhung-yeu-to-nao-anh-huong-den-muc-thue-tieu-thu-dac-biet-doi-voi-o-to-san-xuat-trong-nuoc/>

²¹ Báo cáo số 259/BC-BTC ngày 13/10/2024 của Bộ Tài chính về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

²² Báo cáo số 259/BC-BTC ngày 13/10/2024 của Bộ Tài chính về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

²³ Báo cáo số 259/BC-BTC ngày 13/10/2024 của Bộ Tài chính về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

²⁴ Báo cáo số 259/BC-BTC ngày 13/10/2024 của Bộ Tài chính về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

2.3.3. Vụ việc liên quan thuế tiêu thụ đặc biệt tại Việt Nam

Mặc dù chưa có vụ án nào trực tiếp liên quan, tuy nhiên vẫn có một số vụ việc được đề cập cho thấy các tranh chấp thường xoay quanh việc áp dụng các quy định mới và việc giải thích các điều khoản của luật thuế TTĐB.

Ở nội dung này, tác giả nghiên cứu và đưa ra 1 ví dụ để phân tích, cụ thể là: Bản án số 404/2021/HC-PT của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế TTĐB đối với một công ty kinh doanh rượu nhập khẩu²⁵.

Tóm tắt: Công ty TNHH P.V, thành lập năm 2008, hoạt động chính trong lĩnh vực phân phối rượu Nhật Bản và thực phẩm Nhật Bản tại Việt Nam. Trước ngày 01/01/2016, theo quy định tại Luật Thuế Tiêu thụ Đặc biệt số 27/2008/QH12 và các nghị định liên quan, mặt hàng rượu nhập khẩu chỉ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) một lần tại khâu nhập khẩu, với giá tính thuế là giá nhập khẩu cộng thuế nhập khẩu.

Tuy nhiên, từ ngày 01/01/2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Tiêu thụ Đặc biệt có hiệu lực, thay đổi cách tính thuế TTĐB đối với hàng hóa nhập khẩu²⁶. Theo đó, giá tính thuế TTĐB là **giá bán ra**²⁷ của nhà nhập khẩu, dẫn đến việc hàng tồn kho của Công ty P.V phải chịu thuế TTĐB 2 lần: một lần tại khâu nhập khẩu và một lần khi bán ra thị trường nội địa.

Công ty P.V cho rằng việc áp dụng thuế TTĐB hai lần như vậy là không hợp lý và đã khởi kiện quyết định hành chính của Chi cục Thuế Quận M.

Tòa án 2 cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của công ty, khẳng định việc cơ quan thuế áp dụng phương pháp khấu trừ theo quy định mới là

²⁵ <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-4042021hcpt-ngay-26042021-ve-khieu-kiem-quyet-dinh-hanh-chinh-trong-linh-vuc-quan-ly-thu-210473>

²⁶ Điều 6 sửa đổi: “Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ là **giá bán ra**, giá cung ứng dịch vụ chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt, chưa có thuế bảo vệ môi trường và chưa có thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:”

²⁷ Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2016) của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2008, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 70/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Luật thuế TTĐB

đúng pháp luật.

Tác giả nhận định: Qua nghiên cứu vụ việc, tác giả thấy rằng, trước hết, về bản chất pháp lý thì Bản án là có cơ sở vì bản án đã tuân thủ đúng quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Tiêu thụ Đặc biệt năm 2014, Nghị định 108/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Theo nguyên tắc, thuế TTĐB là thuế gián thu, đánh vào người tiêu dùng cuối cùng, nên việc tính thuế theo giá bán ra trên thị trường là phù hợp với bản chất của sắc thuế này. Do đó, dù hàng nhập trước, nhưng nếu bán ra sau ngày luật mới có hiệu lực thì việc áp dụng quy định mới thì vẫn hợp lý.

Tuy nhiên, dù doanh nghiệp chịu thiệt hại tài chính do phải nộp thuế hai lần cho cùng một lô hàng, nhưng đó là rủi ro chính sách, không phải lỗi của cơ quan thuế. Do đó khoản hàng tồn kho của Công ty P.V tuy nhập khẩu trước năm 2016 nhưng chưa tiêu thụ trước thời điểm luật có hiệu lực nên bị điều chỉnh theo quy định mới là phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ thuế (tức là thời điểm bán ra).

Bản án cũng cho thấy một điểm hạn chế trong chính sách thuế tại giai đoạn này, đó là thiếu quy định chuyển tiếp, xử lý đối với hàng tồn kho đã nhập khẩu trước khi luật mới có hiệu lực. Điều này đã gây thiệt hại tài chính và tạo ra cảm giác bị đối xử bất công cho doanh nghiệp, dù về pháp lý, cơ quan thuế không sai.

2.3.4. Thực tiễn thi hành luật thuế tiêu thụ đặc biệt tại tỉnh Bình Thuận

Triển khai thực hiện Luật thuế TTĐB năm 2008 và các Luật sửa đổi bổ sung về thuế TTĐB trong thời gian qua; Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành kịp thời các Nghị định, Thông tư, quy định và hướng dẫn chi tiết thêm các điều khoản thi hành của Luật và Nghị định. Theo đó về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ tính thuế, hoàn thuế, khấu trừ thuế và giảm thuế tiêu thụ đặc biệt đã được quy định, hướng dẫn chi tiết và cụ thể tạo điều kiện thuận lợi, phù hợp với công tác quản lý thuế của cơ quan thuế.

Trong quá trình thực thi pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) tại địa phương, có thể nhận thấy rằng các quy định hiện hành đang phát huy hiệu quả tương đối ổn định và phù hợp với thực tiễn quản lý thuế. Cụ thể, đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, việc áp dụng qua các năm cho thấy tính ổn định cao, không phát sinh vướng mắc hay bất cập đáng kể trong khâu triển khai. Đồng thời, các đối tượng không chịu thuế TTĐB cũng được xác định rõ ràng, minh bạch và không phát sinh trường hợp gây khó khăn cho cơ quan quản lý thuế hay người nộp thuế. Về giá tính thuế TTĐB, các quy định pháp luật hiện hành cơ bản phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm cơ sở pháp lý rõ ràng, thuận lợi cho việc áp dụng. Thuế suất thuế TTĐB cũng được đánh giá là phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, góp phần điều tiết tiêu dùng hiệu quả mà không gây tác động tiêu cực đến sản xuất, kinh doanh²⁸.

Ngoài ra, qua các năm, địa phương chưa ghi nhận trường hợp phát sinh việc hoàn thuế hay khấu trừ thuế TTĐB, cho thấy tính ổn định và rõ ràng trong việc xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế. Việc giảm thuế TTĐB trong các trường hợp gặp khó khăn do thiên tai, tai nạn bất ngờ cũng được đánh giá là phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, bảo đảm tính nhân đạo và linh hoạt trong chính sách thuế. Tổng thể cho thấy, pháp luật về thuế TTĐB đã và đang được thực hiện một cách ổn định, hiệu quả và phù hợp với thực tiễn địa phương.

Tại tỉnh Bình Thuận, với lợi thế về du lịch biển và đa dạng sản phẩm dịch vụ (ẩm thực, nghỉ dưỡng, giải trí,...), nguồn thu thuế TTĐB phần lớn đến từ loại hàng hóa là dịch vụ chịu thuế TTĐB, hàng hóa chịu thuế TTĐB chịu thuế trong nước, hàng hóa chịu thuế TTĐB nhập khẩu bán ra trong nước.

Bảng 5. Tổng doanh thu của tỉnh Bình Thuận²⁹

²⁸ Báo cáo số 573/CTBTH-NVDTPC ngày 18/01/2022 của Cục thuế tỉnh Bình Thuận về báo cáo rà soát, đánh giá kết quả thực hiện quy định tại các luật thuế.

²⁹ Theo số liệu của Báo cáo số 283/BC-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh Bình Thuận về tình hình tài chính nhà nước tỉnh Bình Thuận năm 2023;

	Nội dung thu (đvt: triệu đồng)	Năm 2022	Năm 2023
1	Doanh thu thuộc ngân sách nhà nước	16.691.426,080	13.849.153,018
2	Doanh thu thuế tiêu thụ đặc biệt	640,361	782,251
3	Tổng doanh thu thuế	8.482.153,788	7.184.871,001

Tỉ trọng số thu thuế TTĐB năm 2022 và 2023 chiếm lần lượt khoảng và chiếm khoảng 3,8% và 5,6%. Mặc dù tỉ trọng của thuế TTĐB chưa cao, nhưng so với một số tỉnh không có thế mạnh về du lịch, tỉ trọng thu thuế này đã góp phần tích cực vào ngân sách của địa phương.

**Giải pháp tăng cường thu thuế ở địa phương:*

Quá trình quản lý thuế tại địa phương đạt được những kết quả tích cực. Để tăng cường công tác quản lý thuế nói chung cũng như kiểm soát thuế tiêu thụ đặc biệt nói riêng, cơ quan quản lý thuế địa phương cần đẩy mạnh thêm một số biện pháp cụ thể:

Thứ nhất, cần tăng cường sử dụng công nghệ thông tin thông qua việc triển khai hệ thống quản lý thuế điện tử để theo dõi và kiểm soát chặt chẽ việc kê khai, nộp thuế của doanh nghiệp; kết hợp áp dụng việc ứng dụng các thiết bị POS để trích nộp thuế ngay khi dịch vụ, sản phẩm được xuất hóa đơn.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh kiểm tra, thanh tra định kỳ đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa chịu thuế TTĐB để phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

Thứ ba, tăng cường tuyên truyền và phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng: Tổ chức các chiến dịch truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của người dân về tác hại của việc tiêu dùng các sản phẩm chịu thuế TTĐB, từ đó giảm nhu cầu tiêu dùng và tăng hiệu quả của chính sách thuế.

Thứ tư, tăng cường hợp tác liên ngành giữa các cơ quan thuế, hải quan, công an và quản lý thị trường trong việc kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm liên quan đến thuế TTĐB.

Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ góp phần nâng cao hiệu quả thu thuế tiêu thụ đặc biệt tại cấp tỉnh, đồng thời hỗ trợ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Qua chương 2, tác giả cũng đã khái quát những nội dung của Pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt tại Việt Nam, đồng thời nêu lên thực tiễn, tồn tại của pháp luật về thuế TTĐB. Pháp luật về thuế TTĐB cũng đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển và sửa đổi, đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng tiêu dùng, điều tiết thu nhập và đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số vấn đề bất cập trong các quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, căn cứ tính thuế và các quy định về hoàn thuế, khấu trừ thuế. Thực tiễn áp dụng luật cũng cho thấy những thách thức và kết quả đạt được nhất định.

Nội dung toàn chương 2 là nền tảng cần thiết để tiếp tục nghiên cứu, rà soát và sửa đổi luật thuế TTĐB, nhằm đưa ra giải pháp giải quyết những bất cập hiện tại, đảm bảo tính minh bạch, công bằng và hiệu quả của hệ thống thuế, đồng thời phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và các cam kết quốc tế của Việt Nam. Các kiến nghị sửa đổi cần tập trung vào việc mở rộng cơ sở thuế một cách hợp lý, làm rõ các quy định, đơn giản hóa thủ tục và tăng cường hiệu quả quản lý thuế.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Những định hướng cơ bản trong việc hoàn thiện pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt ở Việt Nam

3.1.1. Từ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

Trong những năm qua, các cơ quan soạn thảo, triển khai pháp luật về thuế TTĐB đã luôn bám sát, thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước³⁰ về hoàn thiện chính sách thu theo hướng mở rộng cơ sở thuế; Chính phủ cũng đã nhiều lần trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung để điều tiết tiêu dùng phù hợp với xu hướng tiêu dùng trong xã hội và định hướng của Đảng và Nhà nước về bảo vệ sức khỏe của nhân dân, bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, việc sửa đổi, bổ sung cũng đã đáp ứng những yêu cầu từ thực tiễn phát sinh, tạo môi trường pháp luật thống nhất và đồng bộ áp dụng trong nền kinh tế, khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật thuế TTĐB hiện hành. Đồng thời phù hợp với xu hướng cải cách thuế TTĐB của các nước.

Với tinh thần đó, việc xây dựng và hoàn thiện quy định về chính sách thuế TTĐB để mở rộng cơ sở thu (như bổ sung vào đối tượng chịu thuế đối với nước giải khát có đường, áp dụng thuế hỗn hợp đối với thuốc lá, tăng thuế suất thuế TTĐB đối với rượu, bia...), bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện luật nhằm góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế trong phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế, đảm bảo thu đúng thu đủ vào ngân sách nhà nước (NSNN), đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN.

Đảng và Nhà nước cũng định hướng quá trình chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống

³⁰ Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030...

pháp luật về thuế TTĐB cần kế thừa và phát huy những quy định đã mang lại tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của Luật thuế TTĐB hiện hành, luật hóa một số quy định đã thực hiện ổn định trong thời gian dài tại văn bản dưới luật; góp phần cải cách thủ tục quản lý thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng, công khai, thực hiện quản lý thuế điện tử, tạo môi trường thuận lợi cho người nộp thuế tuân thủ pháp luật về thuế, tự giác nộp đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào NSNN.

Quá trình nghiên cứu, sửa đổi cần phải khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật thuế TTĐB thời gian qua; tháo gỡ bất cập, chồng chéo trong hệ thống pháp luật thuế TTĐB và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với pháp luật có liên quan; bảo đảm tính khả thi và thuận lợi cho tổ chức thực hiện, khơi thông, phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Đồng thời, việc sửa đổi, bổ sung những quy định tại luật cũng cần chú trọng vào việc luật hóa các quy định nhằm góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng, môi trường và điều tiết tiêu dùng của xã hội phù hợp xu hướng cải cách thuế của các nước cũng như thực hiện cam kết quốc tế.

3.1.2. Từ tình hình thực tiễn tại một số quốc gia

Để phù hợp với bối cảnh hội nhập, chính sách thuế cần có sự điều chỉnh, tuy nhiên phải đảm bảo kết quả tăng nguồn thu ngân sách Nhà nước, đảm bảo đầy đủ nghĩa vụ và quyền lợi cho mọi tầng lớp nhân dân dù ở bất kỳ giai đoạn, thời kỳ nào, dù thực hiện mục tiêu nào đi nữa. Xu thế hội nhập, liên kết kinh tế trong khu vực và tiến tới toàn cầu hóa kinh tế, đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, tạo đà thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển mạnh các ngành công nghiệp, dịch vụ. Ngược lại, những thách thức lớn do sức ép cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ nước ngoài cũng ngày một tăng. Do đó, chính sách thuế nói chung và thuế TTĐB nói riêng cần phải đổi mới kịp thời và hội nhập nhanh chóng hơn nữa.

Thuế TTĐB là loại thuế tiêu dùng được áp dụng phổ biến ở các nước trên thế giới với những tên gọi khác nhau: Trung Quốc có “thuế tiêu thụ”, Thụy Điển là “thuế

đặc biệt”, còn Pháp là “Thuế tiêu dụng đặc biệt”, Thái Lan gọi là “thuế tiêu thụ đặc biệt”, ...

Về danh mục chịu thuế (đối tượng chịu thuế): qua nghiên cứu, tác giả thấy rằng danh mục các sản phẩm chịu thuế TTĐB ở các quốc gia khác rộng hơn nhiều so với sản phẩm dịch vụ chịu thuế ở Việt Nam. Ví dụ: Thụy Điển có 19 nhóm hàng hóa, Hungary với 22 nhóm hàng hóa dịch vụ, còn Thái Lan là 20 nhóm hàng hóa và dịch vụ, ... Ngoài các danh mục sản phẩm hàng hóa tương đồng với Việt Nam, các quốc gia khác còn tập trung đánh thuế vào các đối tượng hàng hóa, dịch vụ xa xỉ khác như: nước hoa, mỹ phẩm, thiết bị gia đình cao cấp sử dụng năng lượng công nghệ mới, căn hộ cao cấp, trang sức, ... Tuy nhiên, nhìn chung, vẫn có 5 nhóm hàng hóa cơ bản mà pháp luật thuế TTĐB ở hầu hết các nước quy định là đối tượng chịu thuế, gồm có:

- (i) Nhóm hàng hóa dịch vụ có hại cho sức khỏe cộng đồng: rượu, bia, thuốc lá, ...;
- (ii) Nhóm hàng hóa, dịch vụ mà người sử dụng chúng thuộc nhóm người có thu nhập cao, Nhà nước cần điều tiết như: ô tô, tàu bay cá nhân, du thuyền...;
- (i) Nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục độc quyền Nhà nước hoặc Nhà nước cần kiểm soát đặc biệt;
- (iv) Hàng hóa thuộc danh mục cần định hướng để thực hiện chính sách quốc gia về năng lượng, tài nguyên thiên nhiên như: xăng dầu, sản phẩm khai khoáng...;
- (v) Hàng hóa, dịch vụ mà việc tiêu dùng chúng có thể ảnh hưởng tiêu chuẩn phong, mỹ tục, trật tự xã hội như: cờ bạc, cá độ, massage...

Bên cạnh đó, nhiều nước đã và đang mở rộng đối tượng chịu thuế TTĐB nhằm hạn chế việc tiêu dùng một số loại hàng hóa mà theo quan điểm của họ là có hại cho sức khỏe hoặc Nhà nước cần có sự điều tiết về tiêu dùng như: nước ngọt có gas, thức ăn nhanh, chocolate,... Ngoài ra, còn có một số nước áp dụng thuế TTĐB đối với nước hoa (như Philippines, Indonesia), mỹ phẩm làm đẹp (như Trung Quốc, Indonesia).

3.2. Một số kiến nghị và giải pháp hoàn thiện pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt

Căn cứ Dự thảo Luật Thuế Tiêu thụ Đặc biệt (sửa đổi) mới nhất được trình Quốc hội tại Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách lần thứ 7, nhiệm kỳ khóa XV để thảo luận một số nội dung trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV vào ngày 25/3/2025, tác giả đã nghiên cứu, phân tích nội dung của dự thảo và các văn bản liên quan. Qua đó, tác giả đóng góp một số kiến nghị và giải pháp để hoàn thiện pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt, cụ thể như sau:

3.2.1. Đối tượng chịu thuế

Hiện nay, đối tượng sử dụng nước giải khát có đường không chỉ là người có thu nhập cao mà còn là người có thu nhập trung bình, thu nhập thấp vẫn có. Đây là một nhu cầu cơ bản của đời sống người dân. Do đó, việc tăng thuế đối với nước giải khát có đường cần có lộ trình và giải pháp phù hợp để tránh tác động đến đời sống của nhân dân.

Thứ hai, ô tô pick-up (hay còn gọi là xe bán tải) là một phương tiện thông dụng trong nhiều năm gần đây. Đối tượng sử dụng không chỉ người dân mà còn là các doanh nghiệp. Loại ô tô này có đa chức năng, tiện dụng và đang được phổ thông trong đời sống cũng như phục vụ sản xuất.

Thứ ba, ô tô hybrid đang là loại xe thải ra lượng khí CO₂ và các chất ô nhiễm khác thấp hơn nhiều so với xe chạy xăng hoặc dầu truyền thống, việc duy trì mức thuế ưu đãi sẽ khuyến khích người dân chuyển sang sử dụng phương tiện ít phát thải, góp phần thực hiện các cam kết giảm phát thải khí nhà kính và chống biến đổi khí hậu của Việt Nam (như cam kết Net Zero năm 2050). So với xe xăng thông thường, xe hybrid có giá cao hơn do công nghệ phức tạp. Nếu bị đánh thuế TTĐB cao tương đương hoặc tiệm cận xe xăng, người tiêu dùng sẽ không còn lý do để chọn xe hybrid, làm chậm quá trình phổ biến loại xe này.

Từ những cơ sở phân tích trên, đối với đối tượng chịu thuế như, nước giải khát

có đường, xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô hybrid vừa nêu trên, quy định tại Điều 12 về điều khoản thực hiện và các vấn đề khác, tác giả kiến nghị nên rà soát xem xét điều chỉnh lộ trình tăng thuế phù hợp trên nguyên tắc bảo đảm mục tiêu bảo vệ sức khỏe của người dân, tránh ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và điều hành tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội, mục tiêu tăng trưởng năm 2025 và các năm tiếp theo.

Ngoài ra, tác giả cũng đề nghị nên đưa mặt hàng pháo hoa vào áp dụng thuế TTĐB. Bởi vì trong thời gian qua, người dân đốt pháo hoa rất nhiều, tiềm ẩn nguy cơ có thể dẫn đến cháy, nổ, mất an toàn. Mặt khác, pháo hoa không phải là mặt hàng thiết yếu hàng ngày nên cần phải áp dụng thuế TTĐB. Đây cũng là nội dung phù hợp với mục tiêu định hướng tiêu dùng của Luật Thuế TTĐB.

3.2.2. Đối tượng không chịu thuế

Tác giả kiến nghị cần xác định rõ các đối tượng không chịu thuế trong các trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nhằm đảm bảo việc không thu cùng một loại thuế 02 lần, cần nghiên cứu bổ sung quy định hàng hóa đã xuất khẩu bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu, hàng hóa trung chuyển, hàng hóa mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

Đối với dự thảo Luật sửa đổi, tác giả cũng đề nghị bổ sung đối tượng không chịu thuế là xăng sinh học (thay vì xăng thường) và điều hòa nhiệt độ công suất thấp (dưới 90.000 BTU) vì đây là những hàng hóa thiết yếu. Bởi vì:

Về mặt hàng xăng: Tại Việt Nam, mặt hàng xăng thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB tại Việt Nam từ năm 1995. Để khuyến khích sử dụng xăng sinh học, Luật thuế TTĐB đã quy định mức thuế suất ưu đãi đối với mặt hàng xăng E5 là 8%, E10 là 7% (thấp hơn so với mức thuế suất 10% áp dụng đối với mặt hàng xăng khoáng). Chính phủ đang khuyến khích người dân sử dụng xăng sinh học để bảo vệ môi trường. Mặt khác, nếu áp dụng TTĐB cho xăng các loại như dự thảo luật, khi giá xăng tăng sẽ dẫn đến nguyên liệu đầu vào sản xuất tăng, giá cả hàng hoá tăng theo. Do vậy, trong điều

kiện khó khăn chung không nên tính thuế TTĐB đối với E5, E10 nhằm khuyến khích người tiêu dùng sử dụng xăng sinh học.

Về mặt hàng điều hòa nhiệt độ: Việc thu thuế TTĐB đối với mặt hàng điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống đang được áp dụng ổn định nhằm nâng cao nhận thức về việc hạn chế tiêu dùng cũng như định hướng tiêu dùng tiết kiệm điện, bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, do sự biến đổi khí hậu phức tạp, nhu cầu sử dụng các thiết bị lạnh và điều hòa không khí ở nước ta tăng cao và trở thành phổ biến để đáp ứng nhu cầu bình thường của người dân. Do đó, tác giả kiến nghị cân nhắc phương án giới hạn lại phạm vi các mặt hàng điều hòa nhiệt độ bị đánh thuế TTĐB.

3.2.3. Căn cứ tính thuế, giá tính thuế

Qua nghiên cứu, tác giả cơ bản thống nhất với quy định pháp luật hiện nay cũng như dự thảo Luật sửa đổi đối với căn cứ tính thuế. Đối với giá tính thuế, cụ thể tại khoản 2, Điều 6 liên quan đến giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu.

Qua rà soát, tác giả nhận thấy nội dung quy định tại khoản này vẫn giữ nguyên cách tính thuế cộng thêm thuế nhập khẩu và thuế nhập khẩu bổ sung vào giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt, tương tự quy định hiện hành. Sự chồng chéo trong phương thức tính thuế này (đã được nêu tại chương 2) gây tăng chi phí thuế, đẩy giá hàng hóa nhập khẩu tăng cao, ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng; không phù hợp với thông lệ quốc tế và nguyên tắc đánh thuế một lần trên giá trị hàng hóa.

Mặc dù Dự thảo Luật đã sửa đổi kỹ thuật, bổ sung cụm từ "trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu", nhằm thống nhất với hệ thống pháp luật thuế hiện hành, nhưng về bản chất, bất cập chính sách thuế chồng thuế vẫn chưa được khắc phục.

Do đó, tác giả kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nên nghiên cứu, sửa đổi Khoản 2 Điều 6 Dự thảo Luật theo hướng: "Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa

nhập khẩu tại khâu nhập khẩu là trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu."

Việc sửa đổi trên nhằm: Bảo đảm thống nhất với Luật Thuế Xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu 2016 và Luật Hải quan; Loại bỏ tình trạng "thuế chồng thuế", giảm gánh nặng thuế cho doanh nghiệp; Thúc đẩy môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch và hội nhập quốc tế.

3.2.4. Hoàn thuế, khấu trừ thuế, giảm thuế

- *Về hoàn thuế*: Bỏ quy định hoàn thuế đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất để phù hợp với nguyên tắc hàng hóa không chịu thuế khi chưa tiêu dùng tại Việt Nam. Quy định rõ nguyên tắc hoàn thuế đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu: chỉ hoàn thuế đối với số lượng hàng hóa thực tế đã xuất khẩu. Luật hóa quy định hoàn thuế đối với xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học nhằm khuyến khích tiêu dùng nhiên liệu sinh học, góp phần bảo vệ môi trường³¹.

- *Về khấu trừ thuế*: kiến nghị bổ sung quy định cho phép kế thừa số thuế TTĐB chưa khấu trừ hết trong các trường hợp doanh nghiệp: Sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu; Tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã; Đơn vị hạch toán phụ thuộc chấm dứt hoạt động. Đồng thời cần bổ sung quy định về nguyên tắc, điều kiện, trình tự thực hiện khấu trừ thuế phù hợp với Luật Quản lý thuế và thực tiễn quản lý³².

- *Về giảm thuế*: kiến nghị bổ sung quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục giảm thuế trong Luật, tránh tình trạng dẫn chiếu chung chung sang Luật Quản lý thuế. Làm rõ nguyên tắc giảm thuế đối với các trường hợp bất khả kháng, thiên tai, dịch bệnh hoặc các trường hợp đặc biệt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, đảm bảo

³¹ Báo cáo số 114/BC-UBKTTC15 ngày 25/3/2025 của Ủy ban Kinh tế và Tài chính về một số nội dung cơ bản trong giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

³² Báo cáo số 114/BC-UBKTTC15 ngày 25/3/2025 của Ủy ban Kinh tế và Tài chính về một số nội dung cơ bản trong giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

minh bạch, thống nhất và khả thi³³.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở phân tích định hướng chính sách của Đảng và Nhà nước, kinh nghiệm thực tiễn của một số quốc gia cũng như thực trạng triển khai pháp luật về thuế TTĐB tại Việt Nam, chương 3 của luận văn đã tập trung đề xuất một số kiến nghị và giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật về thuế TTĐB. Các kiến nghị được xây dựng trên nguyên tắc bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu tăng thu ngân sách nhà nước, định hướng tiêu dùng, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

Cụ thể, tác giả đã đề xuất điều chỉnh, bổ sung đối tượng chịu thuế và không chịu thuế, hoàn thiện quy định về căn cứ tính thuế, giá tính thuế, cũng như kiến nghị sửa đổi cơ chế hoàn thuế, khấu trừ thuế và giảm thuế theo hướng minh bạch, hợp lý và phù hợp với thông lệ quốc tế. Những giải pháp này nhằm khắc phục các hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật thuế, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý thuế và thực thi chính sách thuế TTĐB trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

³³ Báo cáo số 114/BC-UBKTTTC15 ngày 25/3/2025 của Ủy ban Kinh tế và Tài chính về một số nội dung cơ bản trong giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

KẾT LUẬN

Như vậy, sau 03 chương nghiên cứu về thuế tiêu thụ đặc biệt, đề tài đã đề cập đến một số vấn đề cơ bản về thuế tiêu thụ đặc biệt ở Việt Nam, cũng như đánh giá khách quan về tình hình triển khai pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt tại Việt Nam.

Nhìn chung, đề tài đã đề cập cụ thể về những nội dung lý luận về thuế tiêu thụ đặc biệt, quy định mở rộng của pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt và thực tiễn thực hiện tại địa phương cụ thể. Qua đó, có thể khẳng định rằng thuế tiêu thụ đặc biệt là một sắc thuế hết sức cần thiết đối với mọi quốc gia. Nó mang ý nghĩa cả về mặt kinh tế, xã hội và chính trị. Vai trò tích cực mà thuế tiêu thụ đặc biệt đem lại cho xã hội là không thể phủ nhận trong việc điều tiết tiêu dùng phù hợp với sự dịch chuyển về xu hướng tiêu dùng trong xã hội và định hướng của Đảng và Nhà nước về bảo vệ sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường.

Đề tài cũng kịp thời nghiên cứu những vấn đề đã rõ, đã được thực tế kiểm nghiệm, rà soát, xác định rõ những nội dung, phạm vi vấn đề cần sửa đổi, bổ sung để khắc phục những khó khăn, vướng mắc hiện hữu. Từ đó đề ra những giải pháp góp phần hoàn thiện quy định về chính sách thuế TTĐB để mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện luật nhằm góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế trong phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế, đảm bảo thu đúng thu đủ vào NSNN, đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN.

Cuối cùng, đề tài cũng khẳng định việc nghiên cứu góp ý sửa đổi pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt là phù hợp và có ý nghĩa, giá trị thực tiễn trong quá trình tham gia góp ý xây dựng dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) nhằm đáp ứng các yêu cầu: kịp thời thể chế hóa Chủ trương, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước; góp phần xây dựng pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt hiện đại, phổ quát, thống nhất, cập nhật, đáp ứng yêu cầu của Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 tại Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Thị Thùy Như, 2012, *Pháp luật về đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh;
2. Ths. Đào Thế Sơn – Nguyễn Ngọc Anh – Nguyễn Thế Hoàng, 2018, *Thuế tiêu thụ đặc biệt và thuốc lá lậu*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, [trực tuyến] tại: <https://lapphap.vnclp.gov.vn/Pages/TinTuc/208374/Thue-Tieu-thu-dac-biet-va-thuoc-la-lau.html> [truy cập ngày 01/12/2018];
3. TS. Trần Vũ Hải, 2019, *Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống - Thực tế áp dụng và kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, [trực tuyến] tại: <https://lapphap.vnclp.gov.vn/Pages/TinTuc/210272/Thue-tieu-thu-dac-biet-doi-voi-do-uong---thuc-te-ap-dung-va-kien-nghi-hoan-thien.html> [truy cập ngày 16/9/2019];
4. TS. Hoàng Thị Mỹ Hạnh, Ths. Bs. Nguyễn Thị An, 2023, *Chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có đường ở một số quốc gia trên thế giới*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, [trực tuyến] tại: <https://lapphap.vnclp.gov.vn/Pages/TinTuc/211684/Chinh-sach-thue-tieu-thu-dac-biet-doi-voi-do-uong-co-duong-o-mot-so-quoc-gia-tren-the-gioi.html> [truy cập ngày 23/6/2023];
5. Nguyễn Thị Quỳnh Giao, 2021, *Kinh nghiệm quản lý thuế tiêu thụ đặc biệt của một số nước*, Tạp chí tài chính, [trực tuyến] tại: <https://tapchitaichinh.vn/kinh-nghiem-quan-ly-thue-tieu-thu-dac-biet-cua-mot-so-nuoc.html>, [truy cập ngày 07/06/2021];
6. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền, 2018, *Tác động của tăng thuế thuốc lá đến tổng sản lượng và việc làm của nền kinh tế*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, [trực tuyến] tại: <https://lapphap.vnclp.gov.vn/Pages/TinTuc/206855/Tac-dong-cua-tang-thue-thuoc-la-den-tong-san-luong-va-viec-lam-cua-nen-kinh-te.html> [truy cập ngày 05/12/2018];
7. Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12, ngày 14/11/2008;
8. Luật số 70/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều

của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, có hiệu lực từ 01/01/2016;

9. Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật Quản lý thuế, ngày 06/4/2016, có hiệu lực từ 01/07/2016;

10. Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

11. Văn bản hợp nhất số 02/VBNH-VPQH ngày 28/04/2016 về Luật thuế tiêu thụ đặc biệt;

12. Chính phủ, 2015. *Nghị định 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi bằng Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016);*

13. Chính phủ, 2016. *Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật Quản lý thuế, (Luật số 106/2016/QH13) ngày 06/4/2016;*

14. Chính phủ, 2019. *Nghị định 14/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của ND 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế tiêu thụ đặc biệt;*

15. Bộ Tài chính, 2015. *Thông tư 195/2015/TT-BTC về việc hướng dẫn thi hành Nghị định 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt;*

16. Bộ Tài chính, 2016. *Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 hướng dẫn Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật*

thuế TTĐB và Luật Quản lý thuế, (Luật số 106/2016/QH13) ngày 06/4/2016;

17. Bộ Tài chính, 2017. *Thông tư 20/2017/TT-BTC ngày 06/03/2017 sửa đổi, bổ sung Thông tư 195/2015/TT-BTC về việc hướng dẫn thi hành Nghị định 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt;*

18. Bộ Chính trị, 2016. *Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 18/11/2016 về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững;*

19. Ban Chấp hành trung ương Đảng, 2017. *Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;*

20. Thủ tướng Chính phủ, 2022. *Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030;*

21. Bộ Tài chính, 2023. *Tờ trình Về dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi);*

22. Bộ Tài chính, 2024. *Công văn số 6059/BTC-CST ngày 11/6/2024 về việc đề nghị cho ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi);*

23. Luật Quản lý thuế 2019 số 38/2019/QH14;

24. Bộ Tài chính, 2021. *Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 về hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ;*

25. Bộ Tài chính, 2024. *Báo cáo số 259/BC-BTC ngày 13/10/2024 về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi);*

26. Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội, 2025. *Báo cáo số 114/BC-UBKTTTC15 ngày 25/3/2025 về một số nội dung cơ bản trong giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi);*

27. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, 2024. *Báo cáo số 283/BC-UBND ngày 28/11/2024 về tình hình tài chính nhà nước tỉnh Bình Thuận năm 2023*;

28. Cục thuế tỉnh Bình Thuận, 2022. *Báo cáo số 573/CTBTH-NVDTPC ngày 18/01/2022 về báo cáo rà soát, đánh giá kết quả thực hiện quy định tại các luật thuế*;

29. Trường đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, 2022. *Giáo trình Luật Thuế*, NXB Hồng Đức.